

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



GIẤY XÁC NHẬN HOẶC ỦY QUYỀN

Dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Tên cổ đông:.....

GCNDN (Số CMND/ Hộ chiếu..... cấp ngày/...../..... tại.....

là cổ đông(hoặc đại diện pháp nhân của cổ đông):.....

Địa chỉ:

Số cổ phần sở hữu tính đến 5/4/2018

Căn cứ vào thông báo mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Sông Đà 9; Tôi xin xác nhận việc tham dự như sau:

1. Trực tiếp tham dự.

☐

2. Ủy quyền cho Ông/Bà có tên dưới đây:

☐

Họ và tên:.....

Số CMND..... cấp ngày: Tại.....

Chức vụ:

3. hoặc Ủy quyền cho thành viên HĐQT Công ty SD9, có tên sau:

+ Ông Nguyễn Hoàng Cường Chủ tịch HĐQT ☐

+ Ông Trần Thế Quang TV HĐQT, Tổng giám đốc Công ty ☐

+ Ông Nguyễn Gia Hân TV HĐQT ☐

+ Ông Nguyễn Văn Đại TV HĐQT ☐

Được thay mặt tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Sông Đà 9 và được quyền biểu quyết đối với các vấn đề thuộc nội dung của Đại hội.

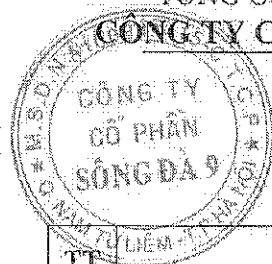
Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực trong thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông của Công ty ngày 26/4/2018.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

..... ngày tháng năm 2018.
CỔ ĐÔNG THAM DỰ/ NGƯỜI ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên)



TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2018

CHƯƠNG TRÌNH NỘI DUNG
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
(Tổ chức ngày 26/4/2018, tại Trụ sở Công ty cổ phần Sông Đà 9)

TT	Nội dung	Thời gian	Người thực hiện	Ghi chú
1.	Đón tiếp cổ đông và phát tài liệu, văn nghệ chào mừng.	8 ^h 00 - 8 ^h 20	Ban tổ chức	
2.	- Báo cáo của Ban tổ chức về tình hình cổ đông tham dự Đại hội. - Khai mạc và giới thiệu đại biểu. - B/c đề cử Ban chủ tọa đại hội (<i>Xin ý kiến Đại hội biểu quyết</i>) - Mời Ban Chủ tọa lên làm việc.	8 ^h 20 - 8 ^h 30	Ban tổ chức	
3.	- Ban Chủ tọa chỉ định Thư ký Đại hội và đề cử Ban Kiểm phiếu (<i>Xin ý kiến Đại hội biểu quyết</i>)	8 ^h 30 - 8 ^h 35	Ban Chủ tọa	
4.	Thông qua chương trình Đại hội đồng cổ đông năm 2017.	8 ^h 35 - 8 ^h 40	Ban tổ chức	
5.	Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội, Quy chế Bầu cử	8 ^h 40 - 8 ^h 50	Ban tổ chức	
6.	- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017; kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.	8 ^h 50 - 9 ^h 15	Ban chủ tọa	
7.	- Báo cáo của Ban Kiểm soát công ty năm 2017, chương trình hoạt động năm 2018.	9 ^h 15 - 9 ^h 25	Ban kiểm soát	
8.	- Báo cáo hoạt động HĐQT năm 2017 và kế hoạch, chương trình công tác của HĐQT năm 2018.	9 ^h 25 - 9 ^h 35	Ban chủ tọa	
9.	- Tờ trình của HĐQT về (1) phương án phân phối lợi nhuận và trả cổ tức năm 2017; (2) quyết toán tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2017, phương án chi trả lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2018; (3) thông qua sửa đổi bổ sung điều lệ công ty; (4) thông qua quy chế quản trị của công ty và (5) một số nội dung đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT.	9 ^h 35 - 10 ^h 05	Ban chủ tọa	
10.	- Tờ trình của Ban kiểm soát về lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018	10 ^h 05 - 10 ^h 10	Ban kiểm soát	
11.	- (1) Báo cáo của HĐQT công ty về tình hình nhân sự ứng cử, đề cử HĐQT, kiểm soát viên và (2) Tờ trình về việc giới thiệu nhân sự đề bầu Hội đồng quản trị, kiểm soát viên Công ty.	10 ^h 10 - 10 ^h 20	Ban chủ tọa	
12.	- Đại hội đồng cổ đông thảo luận thông qua các báo cáo và giải đáp các ý kiến của cổ đông.	10 ^h 20 - 10 ^h 45	Ban chủ tọa và Ban kiểm phiếu	
13.	- Biểu quyết thông qua các báo cáo; - Bầu thành viên độc lập HĐQT và Kiểm soát viên	10 ^h 45 - 11 ^h 00	Ban chủ tọa Đại hội và BKP	
14.	- Giải lao.	11 ^h 00 - 11 ^h 10		
15.	Thông qua biên bản kiểm phiếu bầu TV độc lập HĐQT và Kiểm soát viên Thành viên độc lập HĐQT và kiểm soát viên ra mắt ĐH	11 ^h 10 - 11 ^h 20	Ban kiểm phiếu	
16.	- Thông qua biên bản Đại hội. - Thông qua Nghị quyết Đại hội	11 ^h 20 - 11 ^h 30	Ban thư ký	
17.	- Bế mạc	11 ^h 30 - 11 ^h 40	Ban tổ chức	

Trên đây là thời gian dự kiến của Ban tổ chức. Đại hội sẽ tiến hành phù hợp với các nội dung đề ra dưới sự điều hành của Ban chủ tọa Đại hội.



NỘI DUNG ĐẠI HỘI

1. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017, báo cáo kết luận kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty kiểm toán độc lập; kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.
2. Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2017, kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2018.
3. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát công ty năm 2017, kế hoạch hoạt động năm 2018.
4. Phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2017.
5. Báo cáo quyết toán tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2017; Phương án tiền lương, thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát năm 2018.
6. Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC năm 2018
7. Tờ trình: Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty; Quy chế quản trị Công ty theo thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017.
8. Tờ trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt một số các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
9. Báo cáo của HĐQT công ty về tình hình nhân sự ứng cử, đề cử HĐQT, kiểm soát viên và Tờ trình về việc giới thiệu nhân sự đề bầu Hội đồng quản trị, kiểm soát viên Công ty.
10. Bầu bổ sung, thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên Công ty.

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 06 tháng 4 năm 2018

THÔNG BÁO MỜI HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 9 đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 25/11/2005 và được sửa đổi thông qua ngày 27/4/2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Trân trọng kính mời: Quý cổ đông.

Đến dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Sông Đà 9.

1. **Thời gian:** 8h00 ngày 26 tháng 4 năm 2018 (thứ Năm)
2. **Địa điểm:** Hội trường tầng 9, Trụ sở Công ty cổ phần Sông Đà 9 - Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.
3. **Thành phần tham dự Đại hội:**
Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của SD9 theo danh sách do Trung tâm lưu ký chứng khoán chốt ngày 05/4/2018 hoặc những người được ủy quyền tham gia họp lệ.
4. **Nội dung:** theo chương trình Đại hội kèm theo
5. **Tài liệu phục vụ Đại hội:** Quý cổ đông có thể nhận tài liệu Đại hội tại trụ sở Công ty cổ phần Sông Đà 9, hoặc truy cập trang web: www.songda9.com (chuyên mục Nhà đầu tư → Đại hội đồng cổ đông)
6. **Trường hợp Quý cổ đông không đến dự Đại hội trực tiếp** thì ủy quyền cho cá nhân khác đi dự hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị của Công ty theo mẫu ủy quyền đính kèm.
Quý cổ đông gửi giấy xác nhận tham dự đại hội/ giấy ủy quyền về địa chỉ:

Công ty cổ phần Sông Đà 9,

Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP Hà Nội,

Hoặc fax về số máy 024 37682684 hoặc gửi qua Email: contact@songda9.com

Rất hân hạnh được đón tiếp Quý cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

Trân trọng!

Ghi chú:

Quý Cổ đông khi tham dự Đại hội vui lòng mang theo: (1) Thông báo mời họp, (2) CMND hoặc hộ chiếu, (3) giấy ủy quyền (trường hợp nhận UQ tham dự Đại hội).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hoàng Cường



Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO
THỰC HIỆN KHSXKD NĂM 2017
KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2018

A. KIỂM ĐIỂM TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỎ ĐÔNG NĂM 2017.

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI CỎ ĐÔNG NĂM 2017:

1. Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017:

- Tổng giá trị sản xuất kinh doanh : 685 tỷ đồng/926 tỷ đồng đạt 74% KH.
- Doanh thu : 746 tỷ đồng/835 tỷ đồng đạt 89% KH.
- Lợi nhuận : 50,9 tỷ đồng/50 tỷ đồng đạt 102% KH.
- Tỷ lệ cổ tức (dự kiến) : 10%

2. Tình hình thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị:

Theo báo cáo chi tiết đính kèm.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2017:

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu:

TT	Nội dung	ĐVT	Năm 2017		
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % HT
A	Kế hoạch SXKD				
I	Tổng giá trị SXKD	10⁶đ	926.000	685.295	74
1	Giá trị kinh doanh xây lắp	10 ⁶ đ	863.300	578.699	67
2	Giá trị SX công nghiệp	"	42.700	51.189	120
3	Giá trị kinh doanh khác	"	20.000	55.539	278
II	Kế hoạch tài chính				
1	Doanh thu	"	835.519	746.455	89
2	Nộp Ngân sách	"	63.786	32.932	52
3	Tiền về tài khoản	"	876.128	741.423	85
4	Lợi nhuận trước thuế	"	50.000	50.924	102
5	Lợi nhuận sau thuế	"	40.000	42.329	106
6	Tỷ suất lợi nhuận				
-	LN trước thuế/ Doanh thu	%	6,0	6,8	114
-	LN sau thuế/ VDL (Công ty mẹ)	%	11,7	12,4	106
-	LN sau thuế/ VCSH	%	6,3	6,6	105
-	LN sau thuế/Tổng tài sản	%	2,1	2,9	137

TT	Nội dung	ĐVT	Năm 2017		
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % HT
7	Nợ phải trả	10 ⁶ đ	1.226.566	838.194	66
8	Vốn chủ sở hữu	10 ⁶ đ	636.875	639.204	100
9	Vốn điều lệ	10 ⁶ đ	342.340	342.340	100
10	Tổng tài sản	10 ⁶ đ	1.863.441	1.477.399	77
11	Nợ phải trả/VCSH	10 ⁶ đ	1,93	1,31	65
12	Tỷ lệ cổ tức (dự kiến)	%	10	10	100
III	LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG				
1	Tổng số CBCNV bq sử dụng	Người	1.350	1.216	90
2	Tổng quỹ lương phải trả	10 ⁶ đ	129.640	122.615	95
3	Tổng thu nhập	10 ⁶ đ	132.640	126.275	95
4	Thu nhập bq CBCNV/tháng	10 ³ đ	8.188	8.654	106
B	Kế hoạch đầu tư	10⁶đ	379.466	125.987	33
1	Đầu tư mở rộng SXKD	10 ⁶ đ	314.982	125.987	39
2	Đầu tư nâng cao năng lực thi công	10 ⁶ đ	64.484		

2. Đánh giá tình hình SXKD năm 2017

- Năm 2017 cùng với sự tăng trưởng của nền kinh tế cả nước, Công ty CP Sông Đà 9 cũng đã có sự phát triển bứt phá hơn so với năm 2016. Hầu hết các đơn vị đều có đủ việc làm, tình hình sản xuất kinh doanh ổn định và trên đà tăng trưởng. Chỉ tiêu lợi nhuận đạt 102% kế hoạch năm đề ra, đảm bảo đời sống và thu nhập của người lao động.

3. Kiểm điểm thực hiện các hợp đồng thi công xây lắp năm 2017:

3.1. Thủy điện Nậm Ngiep 1

- Hoàn thành đổ bê tông RCC đập chính đến cao trình 322 phạm vi phía bờ phải, khối lượng: 1.368.089 m³. Hoàn thành kế hoạch đề ra.

3.2. Thủy điện Nậm Thuen 1

Tổng khối lượng đào đất đá: 1.129.855m³/KH 1.776.092m³ đạt 64%KH trong đó:

- Đào đất đá hố móng đập dâng vai trái: 747.310m³; cửa nhận nước: 162.028m³.
- Hoàn thành thi công hố móng nhà máy

3.3. Công trình thủy điện Pake

Tổng khối lượng đào đất đá: 285.000m³/KH 310.000m³ đạt 95%KH, đắp đất đá: 19.500m³, bê tông: 46.866m³/KH 57.660m³. Cụ thể:

- Hoàn thành thi công bê tông cống dẫn dòng và gia cố cửa vào, cửa ra, khối lượng 5.265m³.
- Hoàn thành thi công đào hố móng lòng sông, khối lượng 34.200m³.
- Hoàn thành thi công hố móng vai phải đến cao độ thiết kế (+250,00m), khối lượng 147.520m³.

- Đập tràn:
 - + Bê tông đập tràn: phạm vi tràn đến cao trình +242; phía vai phải thi công đến cao trình +246, khối lượng 31.940 m³;
 - + Công tác khoan phun: Hoàn thành công tác khoan phun chống thấm và gia cố; khối lượng thi công 1.982md/TK 1.982md.
- Cửa nhận nước:
 - + Bê tông: Thi công đến cao trình +241,37; khối lượng thi công 7.062 m³.
 - + Công tác khoan phun: hoàn thành thi công khoan phun chống thấm và gia cố 1.255md/TK: 1.255md.
- Nhà máy:
 - + Hoàn thành đào hồ móng nhà máy đến cao độ 212,00m, khối lượng 10.850m³.
 - + Thi công bê tông tường chắn đất: 1.609m³.
- Đường vận hành VH1, VH2: Thi công xử lý hạ nền đường VH1 và khối sạt đường VH2. Khối lượng thi công đào đất đá 80.430 m³.

3.4. Thủy điện Tân Thương

Tổng khối lượng đào đất đá: 447.860m³/KH 557.000m³ đạt 80%KH, bê tông: 7.015m³/KH 20.000m³ đạt 35%KH, trong đó:

- Hoàn thành thi công đào đất đá hồ móng cụm đầu mỗi phía bờ phải khối lượng đào đất đá: 43.950m³, hoàn thành thi công bê tông 3 khoang tràn bờ phải, khối lượng: 3.165m³.
- Hoàn thành thi công hồ móng nhà máy, cửa nhận nước, bể áp lực, khối lượng đào đất đá: 122.900m³. Chưa triển khai thi công bê tông.
- Đào đất đá kênh xả khối lượng: 29.565m³.
- Kênh dẫn nước: Đào đất đá: 251.438m³, bê tông: 3.850m³ (khoảng 800md kênh).

3.5. Thủy điện Sơn Giang 1

- Hoàn thành thi công công lấy nước + kênh dẫn đoạn 1: Khối lượng đào đất đá: 124.251m³, bê tông: 1.400m³, đắp đất đá: 10.950m³.
- Kênh dẫn đoạn 2: Đào đất đá: 252.000m³, đắp đất đá: 33.000m³, bê tông: 250m³.

3.6. Thủy điện Xekaman 1

- Hoàn thành thi công đào, gia cố mái trạm OPY mở rộng khối lượng đào đất đá: 234.000m³, đắp đất đá: 57.000m³, tấm lợp lạng gia cố mái: 12.000 tấm, trồng cỏ: 1.400m².

4. Công tác đầu tư:

- Thực hiện công tác đầu tư và quản lý đầu tư dự án thủy điện Pa Ke: Do ảnh hưởng của thời tiết không thuận lợi nên việc tổ chức triển khai công trường gặp nhiều khó khăn dẫn đến không hoàn thành mục tiêu khối lượng năm 2017; đã đàm phán ký kết xong hợp đồng cung cấp thiết bị cơ điện nhà máy; đang triển khai lựa chọn nhà thầu gói thầu cung cấp, vận chuyển, lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công đập tràn, cống xả rác, cống xả cát, cửa nhận nước, đường ống áp lực, hạ lưu nhà máy; lắp đặt thiết bị cơ điện; đang triển khai lập HSMT các gói thầu lập quy trình vận hành hồ chứa, gói thầu lập đề án sử dụng nước mặt.

- Dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2017: Đã thương thảo, ký kết xong hợp đồng gói thầu cung cấp 10 ô tô tải ben tự đổ và 02 máy khoan cần thủy lực tự hành.

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MẶT QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH NĂM 2017

1. Công tác tổ chức và điều hành.

** Những mặt làm được.*

- Hoàn thành công tác sắp xếp lại công tác tổ chức sản xuất của các Chi nhánh cho phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị;
- Thiết lập cơ chế tuyển dụng/ thay thế nhân sự nội bộ hiệu quả để hoàn thành chuyển đổi tổ chức.
- Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực, từ khâu tuyển chọn, tiếp nhận, sử dụng, đào tạo, đánh giá và đãi ngộ. Việc tuyển dụng trong năm 2017 đã được chú trọng, tập trung tuyển từ nhiều kênh khác nhau (website Công ty, facebook, timviecnhanh.com, vieclam24h.com, các trường dạy nghề tại địa phương...). Số lượng tuyển dụng so với kế hoạch cơ bản đạt mục tiêu đề ra. Công tác tuyển dụng công nhân kỹ thuật bước đầu đã có những giải pháp đổi mới, một số hợp đồng nguyên tắc đã được ký kết với các trường/ trung tâm đào tạo nghề.
- Xây dựng quy hoạch cán bộ, củng cố, nâng cao chất lượng, qui mô đào tạo tại các cơ sở đào tạo của Tổng công ty, cũng như liên kết, hợp tác với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước, để có kế hoạch đào tạo đúng với nhu cầu của Công ty.
- Tập trung xây dựng đời sống, lối sống và môi trường văn hóa lành mạnh; coi trọng văn hóa trong lãnh đạo, quản lý, kinh doanh và ứng xử trong Công ty.
- Tổ chức đào tạo nội bộ về công tác ATLĐ cho các công trường Sơn Giang, Tân Thượng, Pake; đã xây dựng được chương trình đào tạo nội bộ trong lĩnh vực Tổ chức Nhân sự.

** Những tồn tại.*

- Việc sắp xếp lực lượng lao động gián tiếp và trực tiếp khác từ Công ty đến các đơn vị chưa triệt để, bộ máy còn chồng chéo.
- Công tác đào tạo và đào tạo lại chưa tốt, nhất là cán bộ có năng lực chuyên môn, cán bộ kế cận.

2.1. Công tác tiếp thị đấu thầu

** Những mặt làm được.*

- Hoàn thành và nộp hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất các gói thầu do Công ty tham gia.
- Tiếp cận một số dự án đang ở giai đoạn thực hiện đầu tư, có phương án tìm kiếm việc làm hiệu quả hơn.

** Những mặt chưa được.*

- Chưa có chiến lược đúng, hiệu quả về công tác thị trường và đấu thầu.

2.2. Công tác quản lý cơ giới.

** Những mặt làm được.*

- Xây dựng xong và trình Hội đồng quản trị ban hành Quy chế quản lý xe máy thiết bị và vật tư phụ tùng;
- Cân đối điều động và di chuyển xe máy, thiết bị đáp ứng yêu cầu thi công các công trình. Thực hiện xong việc di chuyển XMTB chưa có nhu cầu sử dụng tại Lai Châu về Chúc Sơn.
- Hoàn tất các thủ tục pháp lý cho XMTB phục vụ thi công tại các công trình do Công ty tham gia.
- Tập trung sửa chữa XMTB tại công trình thủy điện Nậm Thuen 1 và Nam Ngiep 1.

** Những tồn tại*

- Công tác quản lý cơ giới vật tư từ Công ty đến các đơn vị trực thuộc còn yếu;
- Việc kiểm soát mua bán nguyên, nhiên vật liệu tại một số công trình chưa được kiểm soát về chất lượng.
- Chưa xong thủ tục thanh lý xe máy thiết bị hư hỏng nặng, chưa có phương án thu hồi xe máy thiết bị chờ việc tại các công trường về một nơi để bảo quản.

2.3. Công tác quản lý kỹ thuật thi công và an toàn.

** Những mặt làm được.*

- Hoàn thành phê duyệt thiết kế BVTC các hạng mục công trình thủy điện Pake kịp thời phục vụ công tác thi công.
- Kiểm soát khối lượng thực hiện, thu vốn, tiến độ các công trình.
- Chủ trì kiểm soát biện pháp tổ chức thi công bê tông công trình thủy điện Pake do các nhà thầu lập.
- Chủ trì công tác quyết toán tại công trình thủy điện Huội Quảng, Nậm Chiến, hoàn thành cơ bản công tác quyết toán khối lượng công trình thủy điện Lai Châu.
- Đôn đốc các đơn vị thực hiện công tác an toàn lao động, phòng chống lụt bão.
- Kiểm tra tình hình thực tế công tác quản lý kỹ thuật các đơn vị tại các công trường, xây dựng và phối hợp tháo gỡ các vướng mắc, giải quyết các thủ tục liên quan đến công tác kỹ thuật.
- Triển khai thực hiện các quy trình, quy định về công tác ATLĐ, sức khỏe nghề nghiệp, vệ sinh môi trường theo hệ thống ISO 14001:2015 và OHSAS 18001:2007; Duy trì công tác quản lý chất lượng theo ISO 9001:2008.
- Đôn đốc các đơn vị thực hiện công tác an toàn lao động, phòng chống lụt bão,

** Những tồn tại.*

- Tiến độ công tác quyết toán tại công trình Huội Quảng, Đồng Nai 5, Xekaman1, Nam An Khánh chậm so với yêu cầu.
- Công tác thu vốn ở nhiều công trình chưa hoàn thành theo kế hoạch: Pake, Nam Theun 1, Đắc Mi 2.
- Tiến độ thi công một số công trình còn chậm so với kế hoạch.
- Công tác ATLĐ trên các công trường vẫn chưa được chú trọng.

2.4. Công tác kinh tế - chiến lược.

** Những mặt làm được.*

- Sửa đổi quy chế tiền lương áp dụng để trả lương đối với CBCNV cơ quan Công ty, các chi nhánh, BQL dự án thủy điện Pake và NMTĐ Nậm Khánh.
- Thực hiện các công việc quản lý đầu tư xây dựng cơ bản trong giai đoạn thực hiện đầu tư dự án thủy điện Pake đảm bảo đúng quy định, đáp ứng tiến độ thi công.
- Kết hợp với ban chiến lược TCT thống nhất để thông qua TMDT dự án thủy điện Nậm Khánh.
- Đàm phán ký kết xong hợp đồng cung cấp thiết bị cơ điện cho dự án thủy điện Pake.
- Hoàn chỉnh xong dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2017. Đã thương thảo, ký kết xong hợp đồng gói thầu cung cấp 10 ô tô tải ben tự đổ; đang xét thầu gói thầu cung cấp 02 máy khoan cần thủy lực tự hành.
- Xong hợp đồng thuê tư vấn lập quy hoạch bổ sung dự án thủy điện Nậm Khánh B.
- Thực hiện công việc lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa theo quy định.

** Những tồn tại.*

- Giải quyết tồn tại, vướng mắc về kinh tế tại các công trình phục vụ quyết toán chưa xong.

2.5. Công tác tài chính - kế toán.

** Những mặt làm được.*

- Kiểm soát dòng tiền phù hợp với tình hình sản xuất;
- Đảm bảo việc chi trả khách hàng và CBCNV đúng hạn;
- Thoái vốn xong khoản đầu tư tài chính vào ngân hàng TMCP Quân đội (MB), Công ty CP thủy điện Sử Pán 2 và Công ty CP chứng khoán Artex.
- Phục vụ Thanh tra Bộ tài chính làm việc tại đơn vị.
- Kiểm tra, phân tích hoạt động SXKD 6 tháng đầu năm các đơn vị nội bộ;
- Chi trả cổ tức năm 2016;

** Những tồn tại.*

- Công nợ lớn, chưa có giải pháp cho việc thu hồi công nợ khó đòi;

2.6. Công tác Pháp chế và Quản trị rủi ro:

** Những mặt làm được.*

- Thẩm định về mặt pháp lý các văn bản trong các lĩnh vực quy định, quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
- Nhận diện, đánh giá các rủi ro các công trình đang thi công cũng như trong giai đoạn thương thảo hợp đồng các công trình trúng thầu.
- Thực hiện công tác quản trị rủi ro dự án thủy điện Pa Ke, Nậm Thuen 1 và Nậm Nghiệp 1.
- Thực hiện phổ biến các quy chế quản lý nội bộ đến toàn thể CBCNV trong toàn Công ty.
- Thực hiện cập nhật, rà soát, phổ biến các văn bản pháp lý mới ban hành có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Sông Đà 9.
- Xây dựng Quy chế quản lý tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người đại diện vốn.

** Những tồn tại.*

- Công tác đánh giá rủi ro chưa chỉ ra những tồn tại ảnh hưởng.

2.7. Công tác đầu tư:

2.7.1. Dự án thủy điện Pa Ke:

a. Các thủ tục pháp lý:

- Hoàn thành trình Tổng cục năng lượng - BCT thông qua thẩm định TKKT dự án;
- Hoàn thành các thủ tục trình HĐQT Tổng công ty thông qua TKKT dự án;
- Hoàn thành lập quy hoạch bổ sung đường dây 110kv;

b. Công tác GPMB

- Hoàn thành kiểm đếm và chi trả tiền bồi thường GPMB và hỗ trợ tái định cư cho các hộ dân thuộc phạm vi thu hồi đất đợt 1.
- Hoàn thành các thủ tục xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đợt 1.
- Hoàn thành thủ tục xin điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2017 huyện Bắc Hà.
- Đang triển khai đo đạc, kiểm đếm diện tích vùng lòng hồ đợt 2, phạm vi tỉnh Hà Giang và tỉnh Lào Cai.

c. Công tác đấu thầu

- Hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu các gói thầu rà phá bom mìn, gói thầu đo đạc, kiểm đếm diện tích vùng lòng hồ, gói thầu cung cấp, lắp đặt thiết bị quan trắc, gói thầu chế tạo thiết bị cơ điện nhà máy.
- Đang triển khai lựa chọn nhà thầu gói thầu: cung cấp, vận chuyển, lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công đập tràn, cống xả rác, cống xả cát, cửa nhận nước, đường ống áp lực, hạ lưu nhà máy; lắp đặt thiết bị cơ điện.
- Đang triển khai lập HSMT các gói thầu lập quy trình vận hành hồ chứa, gói thầu lập đề án sử dụng mặt nước.

2.8. Công tác tái cấu trúc doanh nghiệp.

- Thực hiện đúng chiến lược SXKD của Công ty, bộ máy đầy đủ, đúng định hướng;
- Công tác thoái vốn các khoản đầu tư tài chính còn chậm, không đạt kế hoạch.
- Việc đổi mới bộ máy, cơ chế còn chậm, chưa xây dựng được bộ máy hoạt động hiệu quả.
- Thoái vốn tại các công ty con tuy chỉ đạo quyết liệt nhưng kế hoạch thực hiện vẫn còn chậm do thủ tục còn nhiều vướng mắc, cán bộ thực hiện còn thiếu kinh nghiệm.

B. NHIỆM VỤ, KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2018

I. KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2018:

1. Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu.

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch SXKD Năm 2018
A	Kế hoạch SXKD		
I	Tổng giá trị SXKD	10⁶đ	905.000
1	Giá trị kinh doanh xây lắp	“	817.364
2	Giá trị SX công nghiệp	“	54.136
3	Giá trị kinh doanh khác	“	33.500
II	Kế hoạch tài chính		
1	Doanh thu	“	831.908
2	Nộp Ngân sách	“	38.721
3	Tiền về tài khoản	“	969.102
4	Lợi nhuận trước thuế	“	50.000
5	Lợi nhuận sau thuế	“	42.570
6	Tỷ suất lợi nhuận		
-	<i>LN trước thuế/ Doanh thu</i>	%	6,0
	<i>LN sau thuế/ VDL (Công ty mẹ)</i>	%	12,4
-	<i>LN sau thuế/ VCSH</i>	%	6,6
-	<i>LN sau thuế/Tổng tài sản</i>	%	2,5
7	Nợ phải trả	10 ⁶ đ	1.055.238
8	Vốn chủ sở hữu	10 ⁶ đ	644.058
9	Vốn điều lệ	10 ⁶ đ	342.340
10	Tổng tài sản	10 ⁶ đ	1.699.296
11	Nợ phải trả/VCSH	10 ⁶ đ	1,64
12	Tỷ lệ cổ tức (dự kiến)	%	10
III	LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG		
1	Tổng số CBCNV bq sử dụng	Người	1.480
2	Tổng quỹ lương phải trả	10 ⁶ đ	156.565
3	Tổng thu nhập	10 ⁶ đ	158.065
4	Thu nhập bq CBCNV/tháng	10 ³ đ	8.900
B	Kế hoạch đầu tư	10⁶đ	438.524
1	Đầu tư mở rộng SXKD	10 ⁶ đ	351.422
2	Đầu tư nâng cao năng lực thi công	10 ⁶ đ	87.102

2. Mục tiêu, tiến độ các công trình năm 2018:

2.1. Thủy điện Nậm Nghiệp 1:

- Hoàn thành thi công bê tông RCC đập chính trước 30/4/2018, khối lượng: 217.961m³

2.2. Thủy điện Nậm Thuen 1:

- Tổng khối lượng thi công năm 2018: Đào, xúc chuyển đất đá: 542.262m³ trong đó:
 - + Hồ móng vãi trái: hoàn thành thi công trước 30/4/2018, khối lượng: 405.000m³.
 - + Hồ móng nhà máy: Hoàn thành thi công trước 31/3/2018, khối lượng: 72.000m³.
 - + Cửa nhận nước: Hoàn thành thi công trước 31/3/2018, khối lượng: 65.262m³.

2.3. Thủy điện PaKe:

- Tổng khối lượng thi công: Bê tông: 51.064m³, Đào đất đá hồ xói, kênh xả: 26.700m³, trong đó:
 - + Hoàn thành thi công đập tràn 04 trụ pin trước 15/5/2018, cống xả cát, cống xả rác trước 30/4/2018, khối lượng thi công bê tông: 12.568m³
 - + Cửa nhận nước: Hoàn thành thi công bê tông trước 31/5/2018 khối lượng: 15.000m³ hoàn thành lấp đặt và thử khô cửa van trước 15/6/2018, hoàn thành lấp đặt đường ống áp lực trước 15/5/2018.
 - + Hoàn thành thi công bê tông đập dâng bờ trái, đập dâng bờ phải trước 31/5/2018, khối lượng bê tông: 8.610m³.
 - + Nhà máy: hoàn thành thi công tường hạ lưu trước 30/4/2018, hoàn thành lấp đặt cửa van hạ lưu trước 10/5/2018, đổ bê tông tường đến cao độ 238 trước 31/5/2018, khối lượng thi công bê tông: 14.331m³, đào đất đá: 6.810m³.
 - + Đường dây 110kv: Triển khai thi công từ quý II/2018, khối lượng dự kiến thực hiện năm 2018: 14km
 - + Triển khai thi công khu quản lý vận hành và đường vận hành trong quý IV/2018

2.4. Thủy điện Tân Thượng:

- Tổng khối lượng thi công chính: Đào đất đá: 207.132m³, bê tông: 27.000m³, trong đó:
 - + Hoàn thành thi công vai trái + 03 khoang tràn trước 30/4/2018, khối lượng thi công đào đất đá: 18.300m³, bê tông: 3.149m³, đắp đất đá: 11.300m³
 - + Bể áp lực + CNN: Hoàn thành thi công trước 31/7/2018, khối lượng bê tông: 4.760m³
 - + Nhà máy: Hoàn thành thi công hồ móng trước 20/1/2018, hoàn thành toàn bộ nhà máy trước 31/11/2018, khối lượng đào đất đá: 23.000m³, bê tông: 18.280m³
 - + Kênh xả: hoàn thành thi công trước 31/5/2018, khối lượng đào đất đá: 64.700m³, bê tông: 770m³
 - + Kênh dẫn nước: Hoàn thành thi công trước 31/5/2018, khối lượng đào đất đá: 100.293m³, bê tông: 4784m³.

2.5. Thủy điện Sơn Giang:

- Cống lấy nước + Kênh dẫn đoạn 1: Hoàn thành thi công trước 15/3/2018, khối lượng bê tông: 2.038m³, đắp đất đá: 10.950m³

- Kênh dẫn đoạn 2: Hoàn thành thi công trước 31/7/2018, khối lượng đào đất đá: 190.700m³, bê tông: 7.056m³, đắp đất đá: 91.000m³

2.6. Bãi thải xỉ dự án nhiệt điện Long Phú:

- Tuyển đề bao: Hoàn thành thi công xử lý nền trước 31/5/2018, triển khai đắp đề bao từ tháng 4/2018, khối lượng thực hiện: đào đất: 24.000m³, đắp cát: 30.900m³, đắp đề bao: 171.000m³
- Lòng hồ bãi xỉ: Đào bóc phủ, hạ nền đập: 149.900m³, đắp nền lòng hồ bãi xỉ: 177.500m³, trải tấm HDPE, GCL: 63.900m², đắp cát đen: 36.000m³

2.7. Gói thầu F2 - Cải tạo kênh:

- Triển khai thi công từ đầu năm 2018, khối lượng đào đất: 53.490m³, đắp đất đá: 62.620m³, bê tông đổ trực tiếp: 6.000m³.
- Cọc BTCT (cọc SW): 21.000md, cọc tròn BTCT: 58.000md, cọc cừ Larsen 2500md (Kiểm soát nhà thầu phụ thực hiện).

2.8. Phục hồi môi trường mỏ đá 1B – Thủy điện Lai Châu:

- Hoàn thành công tác đắp đất đá hỗn hợp và đắp đất trồng cây trước 25/01/2018, khối lượng đắp đất đá: 34.471m³, trồng cây: 17.500m².

2.9. Thủy điện Đăcpsi:

- Dự kiến triển khai trong quý III/2018, khối lượng đào đất đá: 293.000m³.

II. MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỂ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ NĂM 2018.

1. Giải pháp sắp xếp, đổi mới và tái cấu trúc doanh nghiệp:

- Xây dựng và kiện toàn bộ máy lãnh đạo công ty;
- Sắp xếp lại tổ chức các phòng ban, ban hành chức năng, nhiệm vụ, định biên, tinh giảm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý, quy chế khoán lương từ công ty đến các Chi nhánh nhằm đảm bảo nâng cao năng suất lao động, thu nhập và giảm thiểu chi phí quản lý.
- Xây dựng và phát triển thêm một số ngành nghề tương tự như ngành nghề truyền thống, như thi công xây dựng các công trình chống ngập, biến đổi khí hậu, đề điều, cảng biển.
- Lập kế hoạch phát triển thương hiệu để Sông Đà 9 trở thành một đơn vị có thương hiệu lớn trên thị trường trong nước và Quốc tế trong công tác thi công bê tông RCC, thi công đập thủy điện, thủy lợi lớn.

2. Công tác tiếp thị đấu thầu, thị trường:

- Phân cấp cho các đơn vị về giá trị và phạm vi gói thầu để các đơn vị chủ động tiếp thị tìm kiếm việc làm.
- Xây dựng và quảng bá thương hiệu Sông Đà 9 để nâng cao vị thế và uy tín của đơn vị.
- Thực hiện kế hoạch phát triển thị trường, cụ thể như sau:
 - + Tiếp thị các dự án nhiệt điện lớn có yếu tố nước ngoài.
 - + Đấu thầu và làm tổng thầu các dự án thủy điện vừa và nhỏ trong nước.
 - + Mở rộng ngành nghề như xây lắp các công trình hạ tầng kỹ thuật, xử lý nền móng công trình.

- + Thi công các công trình đường giao thông với tính chất nhà thầu chính hoặc nhà thầu phụ phù hợp với năng lực của đơn vị hoặc liên danh.
- + Chú trọng tìm kiếm, tham gia đấu thầu các dự án về môi trường, biến đổi khí hậu có nguồn vốn nước ngoài như WB, JK, ODA...
- + Đấu thầu các dự án thủy lợi của Bộ NNPT Nông thôn hoặc các tỉnh.
- + Tiếp tục tìm kiếm các công trình thủy điện vừa và nhỏ để đầu tư xây dựng.

3. Công tác cơ giới - vật tư

- Chẩn chỉnh kiểm tra, giám sát công tác bảo quản bảo dưỡng xe, máy. Thực hiện vận hành và bảo dưỡng kỹ thuật đúng quy trình quy phạm.
- Phân loại, tổ chức sửa chữa xe máy thiết bị có khả năng sử dụng hiệu quả để chuẩn bị tốt cho công tác sản xuất.
- Tiếp tục ứng dụng công nghệ tin học và lĩnh vực quản lý CG-VT như lắp đặt thiết bị camera, thiết bị định vị giám sát hành trình xe cơ giới, xây dựng và ổn định phần mềm quản lý cơ giới vật tư nâng cao hiệu quả SXKD, giảm chi phí.
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quyết toán nhiên liệu, việc sử dụng vật tư phụ tùng ở các đơn vị theo định kỳ tháng, quý, năm đồng thời đưa ứng dụng phần mềm để quản lý cơ giới vật tư.
- Cơ cấu lại sơ đồ bố trí máy và tỷ lệ các loại thiết bị đáp ứng yêu cầu đa dạng hóa ngành nghề (các thiết bị đáp ứng ngành xây dựng giao thông, thủy lợi được liên kết để sử dụng phù hợp từ các đối tác chiến lược).
- Xây dựng và củng cố lực lượng các bộ làm công tác quản lý CG-VT đủ về số lượng, có đủ năng lực trình độ quản lý. Tăng cường công tác tuyển dụng đào tạo đủ thợ sửa chữa, thợ vận hành đáp ứng nhu cầu thi công trên các công trường.

4. Công tác kỹ thuật công nghệ, an toàn.

- Xây dựng chi tiết các mốc tiến độ thi công tại các công trình, tổ chức chỉ đạo, kiểm soát, giám sát chặt chẽ để đảm bảo tiến độ đề ra.
- Tập trung lực lượng làm công tác quyết toán, bàn giao các công trình đã thi công xong; Giải quyết các vướng mắc với Chủ đầu tư về thiết kế, biện pháp thi công; quyết toán công trình.
- Quản lý tốt công tác an toàn trên các công trường Công ty tham gia thi công.
- Áp dụng triệt để mô hình quản lý tiến độ, khối lượng và mô phỏng về hiện trạng thi công các công trình trên cơ sở ứng dụng các phần mềm quản lý dự án Primavera, Project.
- Tuyển dụng hoặc đào tạo tổ giám đốc an toàn các công trình theo mô hình hợp đồng tổng thầu EPC với Chủ đầu tư nước ngoài.
- Áp dụng việc quản lý trực tuyến các công trình do Công ty đầu tư.

5. Công tác kinh tế- chiến lược.

- Hoàn chỉnh phương án khoán đội/chủ công trình đảm bảo tính khả thi nhất để thực hiện và điều chỉnh cho phù hợp trong quá trình thực hiện (nếu có).
- Hoàn chỉnh giá thành các công trình đã có và xây dựng mới giá thành các công trình phát sinh để kiểm soát chi phí.

- Hoàn chỉnh các thủ tục pháp lý để quản lý đầu tư xây dựng cơ bản dự án thủy điện Pake đảm bảo đúng luật, đúng quy định.
- Áp dụng phương pháp phân tích và quản lý công trình đối với các gói thầu thi công theo mô hình khoán quản.
- Xây dựng hệ thống kiểm soát, điều chỉnh định mức nội bộ của Công ty.
- Tập trung công tác quản lý đối với các đơn vị nội bộ.
- Giải quyết dứt điểm các vướng mắc kinh tế tại công trình thi công; tập trung cho công tác quyết toán các công trình đã thi công xong.

6. Công tác tài chính, tín dụng.

- Tập trung thu hồi vốn và công nợ, giải quyết dứt điểm các công trình đồng thời đôn đốc thu hồi tạm ứng cá nhân đã đến hạn và quá hạn để tập trung nguồn vốn trả nợ Ngân hàng, khách hàng và thực hiện chế độ cho người lao động.
- Cân đối, thu xếp đủ vốn và kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty.
- Phân tích đánh giá đúng hoạt động kinh tế của các đơn vị.
- Xây dựng kế hoạch và biện pháp chi tiết để tập trung thu hồi vốn, thu hồi công nợ, nhất là công nợ khó đòi, dây dưa kéo dài đã nhiều năm.
- Cân đối trả nợ kịp thời các khoản nợ của các tổ chức tín dụng.
- Thực hiện công tác thoái vốn của Công ty tại các doanh nghiệp khác.

7. Công tác đầu tư.

- Tập trung mọi nguồn lực để đầu tư xây dựng dự án thủy điện PaKe đúng tiến độ kế hoạch, thực hiện tốt một số nội dung công việc cụ thể sau:
 - + Tăng cường nhân lực, thiết bị, tăng ca kịp thi công để đảm bảo mục tiêu tiến độ.
 - + Phân công cụ thể các nhân sự phụ trách từng lĩnh vực để kịp thời xử lý, tháo gỡ vướng mắc trong công tác thủ tục pháp lý, trình duyệt cũng như thi công xây lắp trên công trường.
 - + Quản lý hợp đồng khoa học chặt chẽ, giám sát để đảm bảo đúng và đủ năng lực của các nhà thầu từ khi đấu thầu, đàm phán hợp đồng đến khi triển khai công việc.
 - + Phê duyệt kịp thời dự toán, đơn giá công trình thủy điện Pa Ke để làm cơ sở thanh toán nội bộ giữa các đơn vị.
- Tìm kiếm cơ hội đầu tư các dự án phù hợp với ngành nghề sản xuất kinh doanh chính.
- Đầu tư xe, máy thiết bị để đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh.

8. Công tác Pháp chế và quản trị rủi ro.

- Xây dựng xong quy trình quản trị rủi ro hợp đồng; báo cáo công tác quản trị rủi ro dự án và các hợp đồng.
- Rà soát hoàn thiện và xây dựng các quy chế quản lý nội bộ của đơn vị đảm bảo tính pháp lý và phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị; Tổ chức nghiên cứu, xây dựng, thẩm định, quản lý và cập nhật hệ thống văn bản quy chế của đơn vị.

- Thường xuyên cập nhật những văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành để kịp thời thông báo tới Công ty và các đơn vị trực thuộc.
- Không ngừng nâng cao chất lượng công tác quản trị rủi ro trong hoạt động SXKD và phải có những giải pháp phù hợp, vừa có tính khả thi, vừa thống nhất trong toàn Công ty.
- Tăng cường công tác thẩm định rủi ro trong mọi lĩnh vực SXKD của đơn vị;

III. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRONG NĂM 2018.

1. Thực hiện tốt công tác đầu tư và quản lý đầu tư dự án thủy điện Pa Ke.
2. Tăng cường công tác tiếp thị tìm kiếm việc làm đảm bảo đủ việc làm cho năm 2018 và các năm tiếp theo.
3. Chỉ đạo hoàn thành thắng lợi các chỉ tiêu kinh tế của năm 2018; tập trung cho công tác thu vốn và thu hồi công nợ;
4. Đổi mới, sắp xếp lại tổ chức Công ty CP Sông Đà 9 và các đơn vị phù hợp phương án tái cấu trúc đã được duyệt.
5. Triển khai đồng bộ công tác hạch toán kinh doanh và quản trị rủi ro; phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh các đơn vị năm 2018;
6. Tiếp tục thực hiện kế hoạch thoái vốn của Công ty tại các doanh nghiệp không thuộc lĩnh vực kinh doanh chính hoặc hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả thấp.
7. Tăng cường công tác hạch toán kinh doanh, thu xếp đủ vốn cho hoạt động SXKD.
8. Phát huy quyền làm chủ tập thể, minh bạch tài chính, thực hành tiết kiệm, phòng chống tham nhũng.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2017, kế hoạch SXKD năm 2018 và các giải pháp để thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2018 của Công ty CP Sông Đà 9, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Trần Thế Quang

BÁO CÁO
THỰC HIỆN KHSXKD NĂM 2017, KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2018

TT	NỘI DUNG		NĂM 2017			KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2018
			KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	TH/KH (%)	
A	KẾ HOẠCH SXKD					
I	TỔNG GIÁ TRỊ SXKD	10. ³ đ	926.000.000	685.295.630	74	905.000.000
1	Giá trị kinh doanh xây lắp	10. ³ đ	863.300.000	578.567.283	67	817.364.225
2	Giá trị kinh doanh công nghiệp	10. ³ đ	42.700.000	51.189.107	120	54.136.000
3	Giá trị kinh doanh dịch vụ khác	10. ³ đ	20.000.000	55.539.240	278	33.499.775
II	KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH					
1	Doanh số	10. ³ đ	918.000.000	776.686.827	85	900.000.000
2	Doanh thu	10. ³ đ	835.519.091	746.455.927	89	831.908.057
3	Tiền về tài khoản	10. ³ đ	876.128.045	741.423.240	85	969.102.000
4	Nộp ngân sách	10. ³ đ	63.786.273	32.932.432	52	38.721.111
5	Lợi nhuận					
	- Lợi nhuận trước thuế	10. ³ đ	50.000.000	50.924.267	102	50.000.000
	- Lợi nhuận sau thuế	10. ³ đ	40.000.000	42.329.449	106	42.570.400
6	Tỷ suất lợi nhuận					
	Lợi nhuận cận biên (LN trước thuế/Doanh thu)	%	6,0	6,8	114	6,0
	ROE (Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH bq)	%	6,3	6,6	105	6,6
	ROA (Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bq)	%	2,2	2,9	130	2,5
7	Vốn chủ sở hữu	10. ³ đ	636.875.032	639.204.481	100	644.058.525
8	Vốn điều lệ	10. ³ đ	342.340.000	342.340.000	100	342.340.000
9	Tổng tài sản	10. ³ đ	1.863.441.587	1.477.399.182	79	1.699.296.989
10	Hệ số nợ phải trả/(VCSH)	lần	1,93	1,31	68	1,64
11	Hệ số nợ phải trả/(VĐL)	lần	3,58	2,45	68	3,08
12	Tỷ lệ cổ tức	%	10	10	100	10
III	LAO ĐỘNG VÀ TIỀN LƯƠNG					
1	Tổng số CBCNV bình quân sử dụng	Người	1.350	1.216	90	1.480
2	Thu nhập bình quân CBCNV/tháng	10. ³ đ	8.188	8.654	106	8.900
III	CHỈ TIÊU KHỐI LƯỢNG CHỦ YẾU					
1	Khối lượng xây lắp					
	- Đào đất, đá	m ³	3.832.141	3.131.191	82	2.027.743
	- Bê tông RCC	m ³	1.207.109	1.334.850	111	217.961
	- Bê tông thường	m ³	126.142	40.405	32	98.427
	- Cốt thép	tấn	2.455	815	33	3.142
2	Khối lượng SX công nghiệp					
	- SX điện	10. ³ kw	34.500	41.088	119	37.500
B	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ	10. ³ đ	379.466.925	125.987.481	33	438.524.239

TP KINH TẾ - CHIẾN LƯỢC

Phạm Ngọc Tuấn

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Thế Quang

BÁO CÁO THỰC HIỆN KHSXKD NĂM 2017 KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2018

STT	CÔNG TRÌNH NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐVT	NĂM 2017			KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2018		
			KH	TH	TH/KH (%)	NĂM 2018	CÓ HĐ	CHƯA CÓ HĐ
	Tổng giá trị sản xuất kinh doanh	10 ³ đ	926.000.000	685.295.630	74	905.000.000	879.553.041	25.446.959
*	Xây lắp	"	863.300.000	578.567.283	67	817.364.225	791.917.266	25.446.959
*	Phục vụ xây lắp	"	20.000.000	55.539.240	278	33.499.775	33.499.775	
*	Sản xuất công nghiệp	"	42.700.000	51.189.107	120	54.136.000	54.136.000	
I	SẢN LƯỢNG XÂY LẮP	10 ³ Đ	863.300.000	578.567.283		817.364.225	791.917.266	25.446.959
*	Các công trình chuyển tiếp & đã ký HĐ	103đ	863.300.000	578.567.283		817.364.225	791.917.266	25.446.959
A1	Công trình thủy điện, thủy lợi	10 ³ đ	572.703.270	490.901.896		282.093.118	282.093.118	
1	Thủy điện Sơn La	10 ³ đ	48 000 000	- 200 178				
*	Các hạng mục khác	10 ³ đ	48 000 000	- 200 178				
2	Thủy điện Huội Quảng	10 ³ đ		- 223 615				
*	Bảo bù sản lượng	10 ³ đ		- 223 615				
3	Thủy điện Lai Châu	10 ³ đ		-3.422.312		5.000.000	5.000.000	
*	Bảo bù sản lượng	10 ³ đ		- 3 422 312				
a	Cải tạo và phục hồi môi trường mỏ đá	10 ³ đ				5 000 000	5 000 000	
	Đắp lấp trụ đá	m3				4 818	4 818	
	Đắp đất đá HH	m3				39 192	39 192	
	Đắp đất trồng cây	m3				15 279	15 279	
	Trồng keo	m2				17 500	17 500	
4	Thủy điện XêKaMan1	10 ³ đ	8.587.000	19.691.244				
*	Trạm OPY	103đ	8 587 000	19 691 244				
	Đào đất đá	m3	125 829	234 001				
	Đắp đất đá	m3	129 623	49 100				
5	Công trình Đăkmi 2	10 ³ đ	9 751 000	5 359 343				
	Đào đất	m3	94 000	69 900				
	Đào đá	m3	29 590	14 000				
	Đắp đất	m3	11 598					
	Đắp đá	m3	958					
6	Thủy điện Nậm Nghiệp1	10 ³ đ	226 144 536	276 848 894		72 642 051	72.642.051	
*	Đắp bê tông			272 437 671		72 642 051	72.642.051	
	- Bê tông RCC	m3	1 207 109	1 329 419		217 961	217 961	
*	Vai phải đập điều tiết			4 411 223				
	- Bê tông RCC	m3		5 431				
7	Thủy điện Nam Thuen 1	10 ³ đ	59 718 901	71 747 576		30 686 000	30 686 000	
*	HM cửa nhận nước	10 ³ đ	6 169 000	13 836 292		6 144 612	6 144 612	
	Đào đất	m3	43.390	55.182		17.401	17 401	
	Đào đá	m3	9.050	-		-		
	Xúc vận chuyển đá	m3	106.000	39.823		38.820	38 820	
*	Đào HM Nhà máy + kênh xả	10 ³ đ	23.174.000	22.371.882		3.626.942	3 626 942	
	Dọn dẹp và phát quang	m2						
	Đào đất	m3	271 020	227 815		46 800	46 800	
	Đào đá long rời	m3		12 511		3 600	3 600	
	Đào phá đá	m3						
	Xúc đá NM	m3	401 830	290 380		21 600	21 600	
*	HM vai trái	10 ³ đ	27 828 000	14 828 963		20 914 217	20 914 217	
	Dọn dẹp và phát quang	m2						
	Đào đất	m2	396 680	208 125		20 250	20 250	
	Đào phá đá	m3		6 083		40 500	40 500	
	Xúc đá nổ mìn	m3	272 700	168 756		344 250	344 250	
*	Hầm phụ số 1&2		2 547 901	847 064				
	Đào đất	m3	27.690	19.681		-		
	Đào phá đá	m3		-		-		
	Xúc đá nổ mìn	m3	1	1 363				

STT	CÔNG TRÌNH NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐVT	NĂM 2017			KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2018		
			KH	TH	TH/KH (%)	NĂM 2018	CÓ HĐ	CHƯA CÓ HĐ
*	Lấn trại và bãi thải	103đ		9 240 635				
	Dọn dẹp phát quang	m2						
	San ủi bãi thải	m3		510 803				
*	Di chuyển thiết bị	10 ³ đ						
*	Các hạng mục khác	10 ³ đ		10 622 741				
*	Đê quây thượng lưu	10 ³ đ						
	Đổ bê tông RCC	m3						
*	Đê quây hạ lưu	10 ³ đ						
	Đắp cấp phối CGS	m3						
*	Đập chính	10 ³ đ						
	Đổ bê tông RCC	m3						
8	Thủy điện Long Tạo	10 ³ đ		- 175 918				
	Bảo bù sản lượng	m2		- 175 918				
9	Thủy điện Nậm Chiến	10 ³ đ		5 621 010				
	Bảo bù sản lượng			5 621 010				
10	Thủy điện An Khê - Ka Nax	10 ³ đ		1 855 289				
11	Thủy điện Tân Thượng	10 ³ đ	154 369 318	82 920 768		124 090 732	124 090 732	
*	Phụ trợ lán trại và đường thi công	10 ³ đ						
*	Đập dâng vai trái + 3 khoang tràn	10 ³ đ	897 318	298 352		1 020 439	1 020 439	
	- Đào đất	m3	11 631	3 463				
	- Đào đá	m3	546			402	402	
	- Đắp đất, đá	m3				7 689	7 689	
	- Bê tông	m3						
*	Đập dâng vai phải + 3 khoang tràn	10 ³ đ	1 827 000	555 752		555 889	555.889	
	- Đào đất	m3	8.085	9.791				
	- Đào đá	m3	1.376	9.532				
	- Phá đá bằng khoan nổ	m3	9.050					
	- Đắp đất, đá	m2	3.949			4.068	4 068	
	- Bê tông	m3	103	29		103	103	
*	Đập tràn + Đầu mối	10 ³ đ	20.806.000	18.725.635		18.310.755	18 310 755	
	- Đào đất	m3	22.507	22.507				
	- Đào đá	m3	15.635	15.635				
	- Phá đá bằng khoan nổ	m3	15.635					
	- Bê tông	m2	3.601	3.587		4.616	4 616	
	- Cốt thép	m3	235	233		327	327	
	- Đắp đất, đá	m3						
	- Khoan phun nền đập	md		305		304	304	
*	Kênh dẫn + bể áp lực	10 ³ đ	49 419 000	55 370 923		21 565 636	21 565 636	
	- Đào đất	m3	364 181	566 048		96 300	96.300	
	- Đào đá	m3	44 749	57 724		3 900	3 900	
	- Phá đá bằng khoan nổ	m3	20 650					
	- Đắp đất, đá	m3	40 668			13 800	13 800	
	- Bê tông	m3	8 373	6 700		4 784	4.784	
	- Cốt thép	tấn	562	212		318	318	
*	Cửa nhận nước + nhà máy GĐ1 + kênh xả	10 ³ đ	80 714 000	23 687 964		82 638 013	82 638 013	
	- Đào đất	m3	47 282	114 374		9 683	9 683	
	- Đào đá	m3	121 354	126 868		94 600	94 600	
	- Phá đá bằng khoan nổ	m3	164.364	-		94.600	94 600	
	- Đắp đất, đá	m3		-		-		
	- Bê tông	m3	14.840	-		17.917	17 917	
	- Cốt thép	tấn	728	-		1.001	1 001	
	- Phun vữa	m2						
*	Dẫn dòng thi công	10 ³ đ	706 000	291 154				
	- Đào đất	m3	16 439	5 070				
	- Đào đá	m3	2 317					
	- Đắp đất, đá	m3	10 940	4 719				
*	Đường thi công bờ phải	10 ³ đ						
	- Phát rừng	m2						
	- Đào đất	m3						
	- Đắp đất	m3						
*	Đường thi công nội bộ công trường	10 ³ đ		3 645 472				
*	Bóc phủ mỏ vật liệu	10 ³ đ	2	203 986				

STT	CÔNG TRÌNH NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐVT	NĂM 2017			KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2018		
			KH	TH	TH/KH (%)	NĂM 2018	CÓ HĐ	CHƯA CÓ HĐ
*	Khu phụ trợ	10 ³ đ		611 958				
*	Hệ thống chiếu sáng	10 ³ đ		407 972				
*	Hệ thống cấp nước thi công	10 ³ đ		509 965				
*	Công trình công cộng	10 ³ đ		509 965				
*	Chuẩn bị và hoàn thiện mặt bằng xây	10 ³ đ		815 944				
*	Xây dựng nhà tạm tại hiện trường để ở	10 ³ đ		1 019 930				
*	Di chuyển LLTC	10 ³ đ		- 275 132				
*	Bù trừ nội bộ	10 ³ đ		- 26 331 213				
12	Thủy điện Nậm Thi	10 ³ đ	4 305 274	3 701 058				
	- Đào đất, đá	m3	53 836	41 536				
	- Đắp đất, đá	m3	51 829	42 180				
13	Thủy điện Sơn Giang	10 ³ đ	61 827 241	27 178 739		49 674 335	49 674 335	
*	Phụ trợ lán trại và đường thi công	10 ³ đ		1 650 000				
*	Ngưỡng tràn + CNN + Kênh dẫn	10 ³ đ	38 231 540	27 903 184		49 674 335	49 674 335	
	- Đào đất	m3	414 948	342 322		131 304	131 304	
	- Đào đá	m3	53 088	63 737		80 125	80 125	
	- Đắp đất, đá	m3	107 780	47 490		79 353	79 353	
	- Bê tông	m3	7 445	1 196		7 858	7 858	
	- Cốt thép	tấn	462	60		493	493	
*	Tràn vào, cầu qua kênh	10 ³ đ	4 554 347					
-	Tràn vào	10 ³ đ	721 604					
	- Đắp đá	m3	5 270					
	- Bê tông	m3	204					
	- Cốt thép	tấn	6					
-	Cống tiêu	10 ³ đ	3 832 743					
	- Đào đất, đá	m3	12 600					
	- Bê tông	m3	630					
	- Cốt thép	tấn						
*	Cụm bể áp lực, cửa nhận nước	10 ³ đ	2 060 533					
-	Dẫn dòng thi công	10 ³ đ	908 083					
	- Đào đất	m3	14 400					
-	Công trình chính	10 ³ đ	1 152 450					
	- Đào đất	m3	14 460					
	- Đào đá	m3	1 960					
	- Đắp đất, đá	m3	13 960					
*	Cụm nhà máy và kênh xả	10 ³ đ	16 966 361					
-	Nhà máy	10 ³ đ	9 497 579					
	- Đào đất	m3	33 290					
	- Đào đá	m3	11 720					
-	Kênh xả	10 ³ đ	7 468 781					
	- Đào đất	m3	179 300					
	- Đào đá	m3	26 910					
*	Đường vận hành bờ kênh	10 ³ đ		260 439				
	Đào đất, đá			4 622				
	Đắp đất, đá							
*	Bù trừ nội bộ	10 ³ đ		- 2 634 884				
A2	Công trình nhiệt điện, thủy lợi và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác	10 ³ đ		-2.961.837		217.781.880	217.781.880	
1	Hồ chứa Sìn Hồ	10 ³ đ		-3.604.070				
	Báo bù sản lượng	10 ³ đ		-3.604.070				
2	Nhiệt điện Long Phú	10 ³ đ				67.568.181	67.568.181	
*	Đắp đê bao	10 ³ đ						
-	Đào đất	m3				471.036	471.036	
-	Đắp cát	m3				42.542	42.542	
-	Trải vải địa kỹ thuật	m ³				232.800	232.800	
-	Tấm GCL	m ³				14.000	14.000	
-	Trải HDPE	m ³				14.000	14.000	
*	Lòng hồ bãi xỉ	10 ³ đ						
-	Đào đất bóc phủ hữu cơ	m3						
-	Đào đất hạ nền	m3						
-	Tấm GCL	m ³						
-	Trải HDPE	m ³						

STT	CÔNG TRÌNH NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐVT	NĂM 2017			KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2018		
			KH	TH	TH/KH (%)	NĂM 2018	CÓ HĐ	CHƯA CÓ HĐ
-	Đắp cát đen gia tải	m3						
-	Lắp đặt tấm đan BT	CK						
3	Nhiệt điện Mông Dương	10 ³ đ		642.233		1.383.544	1.383.544	
4	Gói thầu F2 - Cải tạo kênh					148.830.155		
	Đào đất	m3				53.490		
	Đắp đất đá	m3				62.620		
	Bê tông	m3				6.000		
	Cọc cừ BTCT (cọc SW)	md				21.000		
	Cọc cừ BTCT (cọc tròn)	md				58.000		
	Vải địa kỹ thuật	m2				21.000		
	Cốt thép	tấn						
	Lát gạch block vỉa hè	m2				4.000		
	Cọc cừ larsen	md				2.500		
	Trồng cỏ	m2				500		
A3	CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG	10 ³ đ		4.380.805				
1	Đường tránh ngập Lai Châu	10 ³ đ		3 422 312				
	Bảo bù sản lượng	10 ³ đ		3 422 312				
2	Đường Hà Nội Lào Cai	10 ³ đ		1 158 200				
4	Đường nội bộ - Nam An Khánh	10 ³ đ		- 199 708				
3	Đường tránh Hà Tĩnh							
A4	Các công trình do SinCo thi công	10 ³ đ		8 145 828				
1	QL 1A Phú Yên	10 ³ đ		8 145 828				
A5	Công trình dự kiến	10 ³ đ	98 486 430			25 446 959		25 446 959
1	Thủy điện Đăcpsi	10 ³ đ				25 446 959		25 446 959
	Đào đất	m ³				300 000		300 000
	Đào đá	m ³				80 000		80 000
	Đắp đất, đá	m ³				50 000		50 000
A6	Công trình do SD9 đầu tư	10 ³ đ	192 110 300	78 100 591		292 042 268	292.042.268	
1	Công trình thủy điện PaKe	10 ³ đ	192 110 300	78 100 591		292 042 268	292 042 268	
*	Xây dựng lán trại, phụ trợ	10 ³ đ		192 297				
*	Xây dựng công trình chính	10 ³ đ	192 110 300	77 908 294		292 042 268	292 042 268	
+	Đập dâng bờ trái	10 ³ đ	99 583 550	- 1 203 038		8 103 583	8 103 583	
	- Đào đất	m3		- 28 938				
	- Đào đá	m3		- 13 644				
	- Bê tông	m3	58 566			6 496	6 496	
	- Cốt thép	tấn	179			32	32	
	- Phun vẩy gia cố mái	m	10 082	- 480		720	720	
+	Đập dâng bờ phải	10 ³ đ	23 163 910	7 026 529		9 199 369	9 199 369	
	- Đào đất	m3	108 470	95 224		3 000	3.000	
	- Đào đá	m3	3 557	65 096		1 823	1.823	
	- Xúc vận chuyển đá	m3						
	- Bê tông	m3	5 257			6 449	6.449	
	- Cốt thép	tấn	36			34	34	
	- Phun vữa gia cố nền đập	m2		135		1 450	1.450	
+	Nhà máy, kênh xả	10 ³ đ	8 432 130			30 996 540	30 996 540	
	- Đào đất	m3	20 272			7 713	7.713	
	- Đào đá	m3	36 755			7 821	7.821	
	- Bê tông	m3	1 613			14 995	14.995	
	- Cốt thép	tấn	44			534	534	
+	Cửa nhận nước	10 ³ đ	8 008 770	10 040 780		19 140 306	19 140 306	
	- Bê tông	m3	8 611	5 229		15 185	15.185	
	- Cốt thép	tấn	98	38		122	122	
+	Đập tràn	10 ³ đ	25 209 880	41 922 086		26 221 299	26 221 299	

STT	CÔNG TRÌNH NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐVT	NĂM 2017			KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2018		
			KH	TH	TH/KH (%)	NĂM 2018	CÓ HỢ	CHƯA CÓ HỢ
	- Đào đất	m3	22 680	9 140				
	- Đào đá	m3	9 720	23 483		22 609	22.609	
	- Bê tông	m3	13 698	19 063		14 024	14.024	
	- Cốt thép	tấn	54	172		281	281	
	- Xử lý nền	m		737		613	613	
+	Công trình dẫn dòng	10³đ	7 712 060	10 396 340				
	- Đào đất	m3		19 610				
	- Đào đá	m3		15 393				
	- Bê tông	m3	3 201	4 602				
	- Cốt thép	tấn	51	99				
+	Trạm trộn	10³đ		343 085				
+	Đê quây thượng lưu, hạ lưu	10³đ		1 187 176				
	- Đào đất, đá	m3		43 952				
	- Đắp đất, đá	m3		17 963				
+	Dĩ chuyển lực lượng thi công	10³đ						
+	Khu QLVH	10³đ		74 161		1 000 395	1 000 395	
+	Đường TCVH	10³đ		5 258 404		3 041 513	3 041 513	
	- Đào đất	m3		5 108		6 572	6.572	
	- Đào đá	m3		63 023		29 146	29.146	
	- Đắp đất, đá	m3		8 292				
+	HM lòng sông + hố sỏi	10³đ		690 955		2 769 764	2.769.764	
	- Đào đất	m3		22 511		35 000	35.000	
+	Hố móng vai phải	10³đ		1 901 858				
	Đào đất	m3		18 325				
	Đào đá	m3		10 710				
	Hố móng nhà máy	10 ³ đ		370 113				
	Đào đất	m3		3 435				
	Đào đá	m3		5 948				
+	Sạt vai trái	10³đ		2 212 115				
	- Đào đất	m3		32 293				
	- Đào đá	m3		13 288				
+	Trạm phân phối	10³ đ		388 661		1 050 733	1.050.733	
	- Đào đất	m3		3 705				
	- Đào đá	m3		4 510		398	398	
	Bê tông							
+	Tường chắn đất	10³đ		2 121 085				
	Bê tông	m3		1 480				
	Cốt thép	tấn		17				
+	Đường dây đầu nối 110kv	10³đ	20 000 000					
+	Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công					46 998 416		
+	Cung cấp các thiết bị cơ điện của nhà máy					60 220 160		
+	Lắp đặt thiết bị cơ điện của nhà máy					9 799 266		
+	Lắp đặt thiết bị quan trắc					1 340 924		
+	Đường dây 110kv					72 160 000		
+	Các hạng mục khác	10 ³ đ		3 327 725				
	Bù trừ nội bộ							
2	Công trình thủy điện Nậm Khánh B							
II	PHỤC VỤ XÂY LẮP, KDVT	"	20.000.000	19 990 120		27.499.775	27.499.775	

STT	CÔNG TRÌNH NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐVT	NĂM 2017			KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2018		
			KH	TH	TH/KH (%)	NĂM 2018	CÓ HĐ	CHƯA CÓ HĐ
III	KINH DOANH VTTB PT VÀ DỊCH VỤ	"						
V	SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP	"	42.700.000	51.189.107		54.136.000	54.136.000	
1	Sản xuất điện	"	42.700.000	51.189.107		54.136.000	54.136.000	
-	Sản lượng điện Nậm Khánh	kw	34.500.000	41.087.856		37.500.000	37.500.000	
VI	HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH, HĐ KHÁC	"		35.549.120		6.000.000	6.000.000	

BÁO CÁO GIÁ TRỊ THỰC HIỆN THU VỐN NĂM 2017
KẾ HOẠCH THU VỐN NĂM 2018

TT	Công trình	ĐVT	Dở dang 31/12/2017	Năm 2017				Dở dang 31/12/2017	Kế hoạch thu vốn năm 2018
				Sản lượng thực hiện	Thu vốn		% HT		
					Kế hoạch	Thực hiện			
	Giá trị SXKD	10 ³ đ	331.576.746	685.295.629	918.000.000	776.686.827	85	240.185.549	900.000.000
1	Thủy điện Tuyên Quang	10 ³ đ	1.119.010		1.119.012	297.917		821.092	821.092
2	Thủy điện Nậm Chiến	10 ³ đ	5.851.737	5.621.009	5.852.111	11.472.747		-	
3	Thủy điện Sơn La	10 ³ đ	410.000	(200.177)	410.001	209.822		-	
3	Thủy điện SêKaMan3	10 ³ đ	6.198.238		6.198.238			6.198.238	
4	Thủy điện Huội Quảng	10 ³ đ	28.379.593	(223.615)	28.379.526	12.442.244		15.713.734	15.713.734
5	Hồ chứa nước Hoàng Hồ - Sìn Hồ - Lai Châu	10 ³ đ	3.604.070	(3.604.070)	3.604.070			-	
6	Thủy điện Lai Châu	10 ³ đ	20.409.677	(3.422.312)	20.409.675	12.266.196		4.721.169	9.721.169
7	Thủy điện Nậm Ngiep 1	10 ³ đ	51.608.767	276.848.894	224.966.767	326.214.311		2.243.351	74.885.402
8	Thủy điện XêKaMan1	10 ³ đ	108.455.146	19.691.244	70.225.288	21.025.949		107.120.441	33.364.869
9	Thủy điện Bản Chát	10 ³ đ	1.698.783		1.698.783	1.504.089		194.694	194.694
10	Thủy điện Nậm Thuen 1	10 ³ đ	19.330.361	71.747.576	79.542.361	54.228.717		36.849.220	62.849.220
11	Thủy điện Đồng Nai 5	10 ³ đ	5.500.000		5.500.000	597.171		4.902.829	4.902.829
12	Thủy điện Đắk Mi II	10 ³ đ	27.731.504	5.359.343	37.482.504	17.116.535		15.974.312	15.974.312
13	Thủy điện An Khê - Kanak	10 ³ đ	-	1.855.289		1.855.289		-	
14	Dự án Nhiệt điện Mông Dương	10 ³ đ	156.964	642.233	157.215	-		799.197	2.182.741
15	Đường Hà Nội - Lào Cai	10 ³ đ	-	1.158.200		1.158.200		-	
16	Đường tránh ngập Lai Châu	10 ³ đ	8.020.371	3.422.312	8.020.371	11.442.682		-	
17	Đường nội bộ Nam An Khánh	10 ³ đ	4.431.786	(199.708)	4.431.785	3.582.476		649.603	649.603

TT	Công trình	ĐVT	Dở dang 31/12/2017	Năm 2017				Dở dang 31/12/2017	Kế hoạch thu vốn năm 2018
				Sản lượng thực hiện	Thu vốn				
					Kế hoạch	Thực hiện	% HT		
18	Quốc lộ 1A - Phú Yên			8.145.828		8.145.828		-	
19	Nhà Quốc Hội	10 ³ đ	1.465.745		1.465.746			1.465.745	
20	Thủy điện Long Tạo	10 ³ đ	175.918	(175.918)				-	
21	Thủy điện Tân Thượng	10 ³ đ	751.157	82.920.768	108.647.368	80.069.494		3.602.432	110.970.038
22	Công trình thủy điện Pake	10 ³ đ	29.537.848	78.100.591	148.905.151	89.918.150		17.720.289	274.011.587
23	Thủy điện Nậm Thi + Nậm Gié	10 ³ đ		3.701.057	4.305.000	3.701.058		-	
24	Thủy điện Sơn Giang	10 ³ đ	770.000	27.178.739	49.532.358	14.682.404		13.266.335	62.940.670
25	Nhiệt điện Long Phú	10 ³ đ						-	33.784.091
26	Thủy điện Đăcpsi	10 ³ đ						-	
27	Gói thầu F2 - Cải tạo kênh	10 ³ đ						-	110.821.876
28	Công trình dự kiến khác	10 ³ đ	-		36.669.686			-	
29	Phục vụ xây lắp, KDVT, HĐTC, HĐ #	10 ³ đ	1.955.800	55.539.240	20.000.000	54.484.650		3.010.390	35.576.942
30	Sản xuất công nghiệp	10 ³ đ	4.014.271	51.189.107	50.476.984	50.270.899		4.932.479	50.635.132

TP KINH TẾ - CHIẾN LƯỢC

Hà Nội, ngày tháng năm 2018



TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Ngọc Tuấn

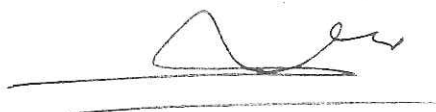
Trần Thế Quang

**BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2017
KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2018**

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	CÔNG TY MẸ SÔNG ĐÀ 9			
			KẾ HOẠCH NĂM 2017	THỰC HIỆN NĂM 2017	TỶ LỆ HT NĂM 2017	KẾ HOẠCH NĂM 2018
I	GIÁ TRỊ SẢN LƯỢNG	103đ	926.000.000	685.295.627	74%	905.000.000
II	DOANH SỐ BÁN HÀNG	103đ	918.000.000	776.686.827	85%	900.000.000
1	Doanh thu	103đ	835.519.091	746.455.927	89,3%	831.908.057
a	HĐ SX kinh doanh	103đ	824.809.091	706.496.565	86%	819.056.057
	Trong đó: Doanh thu Pa ke	103đ	219.835.677	85.862.965	39,1%	265.003.098
b	Hoạt động tài chính, khác	103đ	10.710.000	39.959.361	373%	12.852.000
2	Thuế GTGT đầu ra	103đ	82.480.909	30.230.901	37%	68.091.943
III	THU TIỀN VỀ TÀI KHOẢN	103đ	876.128.000	741.423.240	85%	969.102.000
1	Mức lợi nhuận trước thuế	103đ	50.000.000	50.924.267	102%	50.000.000
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	103đ	10.000.000	8.594.819	86%	7.429.600
3	Lợi nhuận sau thuế	103đ	40.000.000	42.329.449	106%	42.570.400
4	Tỷ lệ lợi nhuận					
	- Lợi nhuận/doanh thu (LN cận biên)	%	6,0%	6,8%	114%	6,0%
	- Lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	%	11,7%	12,4%	106%	12,4%
	- Lợi nhuận sau thuế/vốn CSH	%	6,3%	6,6%	105%	6,6%
	- Lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS	%	2,1%	2,9%	137%	2,5%
VI	CÁC KHOẢN NỘP NS	10 3 đ	63.786.273	32.932.432	52%	38.721.111
1	Các khoản nộp nhà nước	103đ	40.744.273	22.962.567	56%	30.570.841
	- Thuế GTGT phải nộp	103đ	24.744.273	8.716.930	35%	17.022.986
	+ Thuế GTGT đầu ra	103đ				-
	+ Thuế GTGT đầu vào	103đ				-
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	103đ	10.000.000	9.011.914	90%	7.429.600
	- Thuế khác	103đ	6.000.000	5.233.724	87%	6.118.255
2	Các khoản nộp khác	103đ	23.042.000	9.969.865	43%	8.150.270
	BHXH; y tế; BHTN	103đ	23.042.000	10.406.987	45%	7.626.183
VII	TIỀN LƯƠNG VÀ THU NHẬP					
1	CBCNV đến cuối kỳ	người	1.350	1.002	74%	1.480
2	CBCNV bình quân	người	1.350	1.216	90%	1.480
3	Tổng quỹ lương thực trả	103đ	129.640.000	122.615.183	95%	156.565.000
4	Các khoản thu nhập khác	103đ	3.000.000	3.660.500	122%	1.500.000
5	Tổng thu nhập	103đ	132.640.000	126.275.683	95%	158.065.000
6	Tiền lương b/q CBCNV	103đ	8.002	8.403	105%	8.816
7	Thu nhập b/q CBCNV	103đ	8.188	8.654	106%	8.900
VIII	TSCĐ VÀ KHẤU HAO TSCĐ					
1	Nguyên giá BQ cần tính KH	103đ	531.386.036	509.254.186	96%	531.839.863
2	Số tiền trích khấu hao	103đ	47.626.779	45.146.611	95%	47.347.025
3	Tỷ lệ khấu hao	103đ	9,0%	8,9%	99%	8,9%
4	Nguyên giá TSCĐ đầu kỳ	103đ	929.118.016	929.118.016	100%	932.110.905
5	Nguyên giá TSCĐ đến cuối kỳ	103đ	987.740.356	932.110.905	94%	966.221.314
6	Giá trị TSCĐ còn lại đến cuối kỳ	103đ	361.310.743	274.598.849	76%	261.362.233
IX	VỐN K.DOANH ĐẾN CKỲ	103đ	1.568.787.585	1.283.304.430	82%	1.549.296.989
1	Vốn chủ sở hữu	103đ	636.875.031	639.204.481	100%	644.058.525
a	Vốn điều lệ	103đ	342.340.000	342.340.000	100%	342.340.000

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	CÔNG TY MẸ SÔNG ĐÀ 9			
			KẾ HOẠCH NĂM 2017	THỰC HIỆN NĂM 2017	TỶ LỆ HT NĂM 2017	KẾ HOẠCH NĂM 2018
	Vốn góp của TCT SDà	103đ	200.269.440	200.269.440	100%	200.269.440
	Vốn của các cổ đông	103đ	142.070.560	142.070.560	100%	142.070.560
b	Thặng dư vốn	103đ	21.400.709	21.400.709	100%	21.400.709
c	Quỹ ĐTPT	103đ	213.492.096	213.492.097	100%	217.725.042
d	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	103đ	59.642.226	61.971.675	104%	62.592.774
e	Nguồn vốn khác	103đ				
f	Vốn chủ sở hữu khác	103đ				
g	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	103đ				
2	Nguồn vốn vay	103đ	931.912.554	644.099.949	69%	905.238.464
	- Vay ngắn hạn	103đ	500.000.000	468.282.296	94%	500.000.000
	- Vay dài hạn	103đ	431.912.554	175.817.653	41%	405.238.464
3	Tổng tài sản	103đ	1.912.529.234	1.477.399.182	77%	1.699.296.989
4	Nợ phải trả	103đ	1.275.654.203	838.194.701	66%	1.055.238.464
5	Nợ phải trả/VCSH	Lần	2,00	1,31	65%	1,64
6	Nợ vay NH/VCSH	Lần	1,46	1,01	69%	1,41
7	Nợ phải trả/VĐL	Lần	3,73	2,45	66%	3,08
X	CỔ TỨC	%	10%			10%

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Quách Mạnh Hải

Hà nội, ngày tháng năm 2018

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Thế Quang



TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO
THỰC HIỆN ĐẦU TƯ NĂM 2017, KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2018

TT	TÊN DỰ ÁN	ĐVT	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2017				THỰC HIỆN ĐẦU TƯ NĂM 2017				KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2018			
			TỔNG CỘNG	XÂY LẮP	THIẾT BỊ	CP KHÁC + LÃI VAY	TỔNG CỘNG	XÂY LẮP	THIẾT BỊ	CP KHÁC + LÃI VAY	TỔNG CỘNG	XÂY LẮP	THIẾT BỊ	CP KHÁC + LÃI VAY
A	CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 9	10 ³ Đ	379.466.925	192.110.292	135.617.205	51.739.428	125.987.481	94.449.262	1.831.540	29.706.679	438.524.239	101.523.502	277.621.359	59.379.378
I	Đầu tư mở rộng SXKD	10 ³ đ	314.982.352	192.110.292	71.132.632	51.739.428	125.987.481	94.449.262	1.831.540	29.706.679	351.421.646	101.523.502	190.518.766	59.379.378
1	Thủy điện PaKe	"	314.982.352	192.110.292	71.132.632	51.739.428	125.987.481	94.449.262	1.831.540	29.706.679	346.421.646	101.523.502	190.518.766	54.379.378
2	Thủy điện Nậm Khánh B	"									5.000.000			5.000.000
II	Đầu tư năng cao năng lực thiết bị	"	64.484.574		64.484.574						87.102.593		87.102.593	
1	Đầu tư bổ sung xe máy thiết bị năm 2017	"	64.484.574		64.484.574						37.102.593		37.102.593	
-	10 Ô tô tải ben tự đổ (1,5-15T)	"	27.024.883		27.024.883						26.300.000		26.300.000	
-	02 Máy khoan cần thủy lực tự hành	"									10.802.593		10.802.593	
2	Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị 2018 (Dự án Nam Thuen 1)	"									50.000.000		50.000.000	
-	02 Máy đào 1,4m3 +- 1,6m3	"											10.137.296	
-	03 Máy ủi D5K có gắn lưỡi PAT	"											17.672.887	
-	02 Xe quét hút chân không 4-6m3	"											4.770.000	
-	04 Máy bơm nước áp lực cao 60mpa	"											2.100.000	
-	02 Đầm bánh thép 2,5T	"											2.634.512	
-	03 Đầm rung 15-18T	"											10.360.305	
-	01 Máy bơm bê tông 30-50m3	"											1.365.000	
-	02 Máy nén khí	"											960.000	
III	Đầu tư tài chính	"												

TP KINH TẾ - CHIẾN LƯỢC

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

TRẦN THẾ QUANG

Phạm Ngọc Tuấn

Số 30/CT/HĐQT

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2018

BÁO CÁO
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9
VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2017 VÀ
CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC NĂM 2018

Kính thưa: Quý vị cổ đông

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 9 (HĐQT) trân trọng báo cáo kết quả hoạt động năm 2017 và phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018 như sau:

I. TÌNH HÌNH CHUNG:

Năm 2017 là năm được đánh giá có nền kinh tế nói chung có nhiều khởi sắc, và đang trên đà tăng trưởng mạnh hơn. Công ty cổ phần Sông Đà 9 cũng đã có sự phát triển bứt phá hơn so với năm 2016. Hầu hết các đơn vị đều có đủ việc làm, tình hình sản xuất kinh doanh ổn định và trên đà tăng trưởng, công ty trúng thầu một số gói thầu lớn, chỉ tiêu lợi nhuận đạt 101,85% KH năm đề ra, đảm bảo đời sống và thu nhập cho người lao động.

Tuy nhiên vẫn còn một số tồn tại cần khắc phục như: Công tác quyết toán và tiến độ trên một số các công trình trọng điểm còn chậm, chưa đạt kế hoạch đề ra.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2017

Trong năm 2017, HĐQT Công ty cổ phần Sông Đà 9 đã thực hiện đúng, đầy đủ chức năng, quyền hạn của HĐQT được quy định trong Điều lệ của Công ty

1. Công tác giám sát, chỉ đạo hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị đã họp định kỳ hàng quý, giao kế hoạch sản xuất kinh doanh và kiểm điểm tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh quý.
- Ban hành các Nghị quyết, quyết định thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị, kịp thời phục vụ sản xuất kinh doanh của công ty.
- Giám sát việc thực hiện sản xuất kinh doanh thông qua việc sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định phù hợp với quy định của Pháp luật, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện đầy đủ trách nhiệm của mình, có nhiều ý kiến đóng góp vào công việc quản trị điều hành và có những nhận xét đánh giá đúng mức vai trò trách nhiệm của Hội đồng quản trị cũng như trách nhiệm điều hành của Ban tổng giám đốc và đã theo dõi sát diễn biến tình hình, kịp thời có những chỉ đạo và giải pháp đối sách thích hợp để thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

2. Kết quả giám sát Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác

- Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực và cố gắng của Ban Tổng giám đốc trong việc tổ chức triển khai hoạt động kinh doanh, đạt lợi nhuận cao, đặc biệt trong lĩnh vực tiếp thị tìm kiếm việc làm cho đơn vị.
- Năm 2017, Hội đồng quản trị không phát hiện điều gì bất thường trong công tác quản lý điều hành của Ban Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác trong Công ty và không nhận được bất kỳ đơn thư, khiếu kiện nào có liên quan đến Ban Tổng giám đốc Công ty và chức danh quản lý khác
- Tổng giám đốc và cán bộ quản lý đã thực hiện nghiêm túc các quy định của Pháp luật và các quy chế quản trị nội bộ Công ty, hạn chế được nhiều rủi ro và sai phạm;

3. Chỉ đạo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017:

a. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính

- Tổng giá trị sản xuất kinh doanh: 685.295 tỷđ/926 tỷđ đạt 74,01% KH
- Doanh thu : 746.455 tỷđ/835.519 tỷđ đạt 89,34% KH
- Lợi nhuận trước thuế : 50.924 tỷđ/50 tỷđ đạt 101,85 % KH
- Dự kiến tỷ lệ cổ tức : 10% đạt 100% KH

b. Về công tác quản lý sản xuất:

- Hội đồng quản trị Công ty đã thường xuyên bám sát tình hình nhiệm vụ của Công ty, ngoài các cuộc họp thường kỳ hàng quý Hội đồng quản trị còn duy trì các cuộc họp định kỳ hàng tháng giữa Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc, qua đó kịp thời đưa ra các giải pháp cùng ban Tổng giám đốc điều hành xử lý, giải quyết các khó khăn vướng mắc trong công tác quản lý điều hành nói chung, đồng thời giúp cho các nghị quyết, quyết định, chỉ thị của HĐQT luôn phù hợp với yêu cầu thực tiễn và phát huy được hiệu quả.
- Hội đồng quản trị đã luôn bám sát tình hình thực tế của đơn vị, tạo điều kiện để Ban Tổng giám đốc chủ động hoàn thành tốt nhiệm vụ SXKD, phối hợp cùng Ban Tổng giám đốc tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong công tác thi công các công trình để hoàn thành và bàn giao đúng tiến độ, chất lượng theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

c. Về công tác quản lý đầu tư:

- Thực hiện quyền được ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông Công ty năm 2016 về việc đầu tư dự án thủy điện Pa Ke, Hiện nay dự án thủy điện Pa Ke đang triển khai thi công theo đúng tiến độ thi công đề ra.

d. Về công tác tái cấu trúc doanh nghiệp:

- Các nội quy, quy chế quản lý của Công ty đã được Hội đồng quản trị Công ty chỉ đạo sửa đổi, bổ sung kịp thời đảm bảo sự phù hợp với các thay đổi của pháp luật và phát huy được sự chủ động, tự chịu trách nhiệm của lãnh đạo Công ty và các đơn vị trong thực thi các quyền liên quan đến hoạt động điều hành công ty. Năm 2017 có 19 quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty đã được sửa đổi, bổ sung;

Công tác thoái vốn: Theo mục tiêu chiến lược Công ty cổ phần Sông Đà 9 tập trung đầu tư vào lĩnh vực hoạt động kinh doanh cốt lõi, do vậy SD9 đã quyết liệt thoái vốn tại các công ty không thuộc ngành nghề kinh doanh cốt lõi. Năm 2017, Công ty cổ phần Sông Đà 9 đã hoàn thành thoái 100% vốn của Công ty tại Công ty cổ phần thủy điện Sứ Pán 2 và Công ty cổ phần chứng khoán Artex, Ngân hàng thương mại cổ phần quân đội (MB).

4. Các cuộc họp và nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty năm 2017:

- Hội đồng quản trị có 04 cuộc họp thường kỳ vào đầu các quý, các cuộc họp này có nội dung chủ yếu: Phê duyệt thực hiện sản xuất kinh doanh của quý trước, các mặt làm được, chưa làm được, các tồn tại và giải pháp khắc phục; duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh quý tiếp theo cùng các giải pháp thực hiện; và một số nội dung khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- Hội đồng thường xuyên hàng tháng giữa Chủ tịch Hội đồng quản trị với Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng công ty để kịp thời chỉ đạo và đưa ra các giải pháp thực hiện nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh, mục tiêu tiến độ các công trình trọng điểm của công ty, của các đơn vị.
- Năm 2017, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành 103 Quyết định, nghị quyết và 92 công văn, chỉ thị trong công tác quản lý điều hành. Nhìn chung các quyết định, nghị quyết và chỉ thị của Hội đồng quản trị Công ty đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật, quy chế hiện hành của đơn vị và kịp thời đảm bảo công tác quản lý điều hành.

5. Lương, Thù lao và chi phí của Hội đồng quản trị công ty năm 2017

Chỉ tiêu lợi nhuận đạt 101,85% KH năm (Cứ 1% lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch thì lương, thù lao được tính thêm tối đa 2%), như vậy tiền lương, thù lao năm 2017 được tính tăng thêm bằng: $1,85 \times 2\% = 3,7\%$ nên mức chi trả lương, thù lao được tính tăng thêm 3,7% so với dự toán, cụ thể như sau:

TT	Chức danh	Số người	Số tháng	Mức lương, thù theo/tháng theo NQ ĐHQĐ 2017 (đồng)	Điều chỉnh tăng thêm do lợi nhuận vượt KH	Tiền lương, thù lao tăng lên/tháng (đồng)	Tổng lương, thù lao (đồng)
1	Lương Chủ tịch HĐQT	1	12	34.000.000	3,7%	35.528.000	423.096.000
2	Lương TBKS chuyên trách	1	12	20.000.000	3,7%	20.740.000	248.880.000
3	Thù lao TV HĐQT	3	12	15.000.000	3,7%	15.555.000	186.660.000
4	Thù lao TV ban kiểm soát	2	12	6.000.000	3,7%	6.222.000	74.664.000
5	Thư ký	1	12	2.000.000	3,7%	2.074.000	24.888.000
	Tổng cộng						958.188.000

Các chi phí hoạt động, giao dịch, công tác phí của Hội đồng quản trị trong năm qua thực hiện theo đúng quy chế quy định của đơn vị.

6. Lương của Tổng giám đốc công ty năm 2017

TT	Chức danh	Số người	Số tháng	Mức lương	Điều chỉnh tăng thêm do lợi nhuận vượt KH	Tiền lương tăng lên/tháng (đồng)	Tổng lương, (đồng)
1	Tổng giám đốc	1	12	30.000.000	3,7%	31.110.000	373.320.000

III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018

1. Mục tiêu - chỉ tiêu kinh tế chủ yếu năm 2018:

- Giá trị sản xuất kinh doanh : 905 tỷ đồng;
- Doanh thu : 831.908 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế : 50 tỷ đồng;
- Nộp ngân sách : 38.721 tỷ đồng;
- Giá trị sản xuất công nghiệp : 54.136 tỷ đồng;
- Giá trị Đầu tư : 438.524 tỷ đồng;
- Tỷ lệ cổ tức (dự kiến) : 10%

2. **Nhiệm vụ trọng tâm của Hội đồng quản trị Công ty năm 2018:**

2.1. Chỉ đạo hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế theo kế hoạch đề ra, đảm bảo mục tiêu tiến độ, chất lượng kỹ thuật, an toàn các công trình mà Công ty đảm nhận thi công theo thỏa thuận với chủ đầu tư. Chỉ đạo đảm bảo tiến độ yêu cầu kỹ thuật đối với công trình xây dựng nhà máy thủy điện Pa Ke và các dự án đầu tư khác của Công ty. Nghiên cứu chuyển đổi mô hình tổ chức sản xuất, thi công các công trình theo hướng tinh gọn gắn với trách nhiệm của người đứng đầu với tiêu chuẩn về an toàn và vệ sinh môi trường ngày càng cao. Không ngừng củng cố và nâng cao uy tín của Công ty trên thị trường xây dựng trong nước và khu vực.

2.2. Duy trì sự lãnh đạo và sự kiểm soát của Hội đồng quản trị đối với công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh của công ty; đảm bảo cho các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Công ty năm 2018 được triển khai và thực hiện tốt. Tiếp tục duy trì sự trao đổi thông tin thường xuyên hàng tháng của Chủ tịch Hội đồng quản trị với Ban Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý có liên quan nhằm tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc phát sinh.

2.3. Chỉ đạo và nâng cao hiệu quả hoạt động của công tác kiểm soát nội bộ, công tác pháp chế và quản trị rủi ro, giảm thiểu các rủi ro hoạt động SXKD.

2.4. Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, phân tích, đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị, của các công trình theo định kỳ hàng quý; đặc biệt tập trung cho sự phân tích đánh giá đối với từng công trình, qua đó tiếp tục hoàn thiện các chỉ tiêu về giá thành, các định mức kinh tế, kỹ thuật được áp dụng tại Công ty.

2.5. Xây dựng chiến lược phát triển công ty: Xác định tầm nhìn và các mục tiêu chiến lược của Công ty để đơn vị phát triển mạnh trong cơ chế thị trường là doanh nghiệp uy tín và cạnh tranh.

2.6. Tập trung đẩy mạnh công tác tái cấu trúc về tài chính: Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn, nâng cao năng xuất lao động, hình thành cơ cấu kinh tế hợp lý, năng động có tính cạnh tranh cao, tái cơ cấu về đầu tư và thoái vốn các khoản đầu tư tài chính để tăng nguồn lực tài chính.

2.7. Tập trung thực hiện tái cấu trúc quản trị Công ty: Xây dựng mô hình bộ máy gọn nhẹ, linh hoạt phù hợp với công việc và đạt hiệu quả SXKD. Áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ và công nghệ thông tin vào quản lý và quản trị Công ty.

2.8. Đẩy mạnh tái cấu trúc về nhân lực: Đào tạo, thu hút lực lượng cán bộ giỏi, công nhân có tay nghề... đảm bảo sử dụng nguồn lực hợp lý. Cơ cấu lại các bộ phận, nhân sự nhằm đảm bảo tính hiệu quả phù hợp với mục tiêu chiến lược phát triển của công ty. Tái cơ cấu để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, giúp đơn vị bắt kịp với những thay đổi trên thị trường, tạo nền tảng phát triển vững chắc.

2.9. Thực hiện công tác đầu tư đúng quy định, trình tự, thủ tục, thực hiện thắng lợi công tác chống lũ năm 2018 dự án thủy điện Pa Ke; Hoàn thiện xong các thủ tục để góp vốn đầu tư dự án Nậm Khánh B vào cuối năm 2018.

2.10. Củng cố và đầu tư các nguồn lực cho công tác thị trường, đấu thầu phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty. Tăng cường các mối quan hệ với các khách hàng có nhiều tiềm năng để cùng đầu tư, phát triển.

Kính thưa Quý vị đại biểu và Quý cổ đông./.

Sau khi Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung báo cáo, Hội đồng quản trị sẽ xây dựng lộ trình và chương trình cụ thể trên tinh thần đổi mới kèm theo biện pháp chỉ đạo quyết liệt, triệt để, nhằm đưa Công ty cổ phần Sông Đà 9 đạt được các mục tiêu mà Đại hội đã đề ra

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin tỏ lòng biết ơn đối với sự ủng hộ tín nhiệm của toàn thể quý vị cổ đông trong thời gian qua. Kính chúc Quý vị đại biểu và Quý vị cổ đông lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Xin trân trọng cảm ơn./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY CỔ PHẦN
SÔNG ĐÀ

Nguyễn Hoàng Cường



BÁO CÁO
CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY
Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

Kính thưa: Quý vị Cổ đông Công ty cổ phần Sông Đà 9

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội Nước cộng hòa XHCNVN thông qua ngày 26/11/2014.
- Quy chế về quản trị công ty áp dụng cho các Công ty đại chúng.
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Sông Đà 9 liên quan đến quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát.
- Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 9 (sau đây gọi tắt là BKS).

BKS báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 9 (Công ty) trong năm 2017 như sau:

I. Phạm vi kiểm soát:

1. Kiểm soát chiến lược: Xem xét đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT) trong suốt niên độ liên quan đến việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017.
2. Kiểm soát hoạt động: Xem xét đánh giá các quy trình trọng yếu trong quản lý, điều hành hoạt động (SXKD) và đầu tư của Công ty, nhằm phát hiện những rủi ro tiềm ẩn hoặc những sai phạm, thiết sót để từ đó đề xuất những kiến nghị và giải pháp phù hợp đến Ban lãnh đạo Công ty.
3. Kiểm soát báo cáo tài chính: Kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính, báo cáo quản trị hàng quý của công ty nhằm đánh giá tính hợp lý và minh bạch của các số liệu tài chính. Đồng thời phối hợp với kiểm toán độc lập vào giữa kỳ và cuối kỳ xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính; giám sát Ban lãnh đạo trong việc thực hiện các kiến nghị của đơn vị Kiểm toán.

II. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017

Năm 2017, BKS đã hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS. Cụ thể:

- BKS đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và triển khai kiểm tra, giám sát thường xuyên hoạt động của công ty.
- Tham gia đủ 04 cuộc họp của HĐQT. BKS đã tham gia ý kiến về những vấn đề cần lưu ý trong hoạt động SXKD, hoạt động tái cấu trúc của Công ty tại các cuộc họp của HĐQT.
- Ban kiểm soát tổ chức 2 cuộc họp với các nội dung chủ yếu: Thông qua báo cáo thẩm định tình hình hoạt động SXKD và tình hình tài chính 6 tháng đầu năm; Thông qua báo cáo của BKS trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.
- BKS đã thực hiện các công việc như kiểm tra, rà soát các quy chế, quy định quản lý nội bộ đã ban hành; đưa ra những khuyến nghị sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định quản lý nội bộ của Công ty và pháp luật.
- Kiểm tra, xem xét sổ kế toán và tài liệu kế toán tại một số đơn vị kế toán. Tình hình quản lý công nợ và khả năng thanh toán; về quản lý khai thác tài sản, về doanh thu và chi phí để phân tích những yếu tố ảnh hưởng kết quả hoạt động SXKD và đầu tư, từ đó có biện pháp kiến nghị kịp thời.
- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên về việc quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ SXKD của HĐQT và Ban Tổng giám đốc theo đúng Nghị quyết của HĐQT và Điều lệ của Công ty. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp đối với các hoạt động SXKD của Công ty trong năm 2017.
- Hàng quý, thẩm định báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch SXKD; báo cáo tài chính, báo cáo quản trị của Công ty; báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C.
- Thẩm định báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT; Báo cáo kết quả công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc.
- Trong năm, BKS không nhận được yêu cầu nào liên quan đến hoạt động quản lý điều hành Công ty của cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Qua một năm hoạt động theo chức năng nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ, BKS tự đánh giá đã hoàn thành nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao, góp phần cùng HĐQT và bộ máy điều hành Công ty thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 đã thông qua.

III. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty năm 2017:

Trên cơ sở thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty do HĐQT, Ban Tổng giám đốc, các phòng ban chức năng của Công ty cung cấp, Báo cáo của HĐQT về tình hình hoạt động SXKD năm 2017 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018; các thành viên

BKS đã thực hiện các công việc kiểm tra, soát xét và đưa ra một số nhận xét, đánh giá như sau:

1. Tình hình thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

1.1 Một số chỉ tiêu kinh tế, tài chính chủ yếu:

T T	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch Năm 2017	Thực hiện Năm 2017	Tỷ lệ HTKH
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	636	639	104%
2	Giá trị SXKD	Tỷ đồng	926	685	74%
3	Doanh thu	Tỷ đồng	835	746	89%
	<i>Trong đó: Doanh thu công trình TĐ Pake phân tự thực hiện</i>	Tỷ đồng	135	86	63%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	50	50,9	102%
5	Thu nhập bình quân của CBCNV	(Trđ/người/tháng)	8,18	8,6	106%
6	Đầu tư	Tỷ đồng	379	126	33%

- Tỷ lệ hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 chưa cao; tuy nhiên, Công ty đã hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận và hoàn thành tốt công tác tìm kiếm việc làm trong năm 2017, đảm bảo đủ việc cho năm 2018, thu nhập cho người lao động được ổn định và nâng cao.
- Năm 2017, Công ty đã triển khai thi công dự án thủy điện Pake, nhưng vẫn chậm so kế hoạch đã đề ra.
- Công ty đã hoàn thành thoái vốn đầu tư tài chính tại các Công ty: Công ty CP chứng khoán Artex, Ngân hàng TMCP quân đội, Công ty CP thủy điện Sử Pán 2 và đạt lợi nhuận 21,6 tỷ đồng.

1.2 Về công tác kế toán và báo cáo tài chính năm 2017:

- Công ty đã tuân thủ tương đối đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, trong việc tổ chức công tác kế toán, công tác lập luân chuyển chứng từ, hạch toán kế toán và lập báo cáo tài chính đầy đủ, kịp thời.
- Báo cáo tài chính năm 2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017; phù hợp với các

chuẩn mực, chế độ kiểm toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

- Một số chỉ tiêu chủ yếu trên báo cáo tài chính năm 2017:

- + Tổng tài sản : 1.477.399.182.636 đồng
 - ✓ Tài sản ngắn hạn : 959.140.514.284 đồng
 - ✓ Tài sản dài hạn : 518.258.668.352 đồng
- + Nguồn vốn : 1.477.399.182.636 đồng
 - ✓ Nợ phải trả : 838.194.700.501 đồng
 - ✓ Nguồn vốn chủ sở hữu : 639.204.482.135 đồng
- + Doanh thu : 660.592.961.399 đồng
- + Lợi nhuận trước thuế : 50.924.267.383 đồng
- + Lợi nhuận sau thuế : 42.329.449.326 đồng

- BKS cơ bản đồng ý với các đánh giá về hoạt động tài chính trong các báo cáo của Công ty và tổ chức kiểm toán. Báo cáo tài chính năm 2017 đảm bảo tính hợp pháp theo chế độ kế toán và pháp luật hiện hành.

- So sánh một số chỉ số năm 2016 với năm 2017:

TT	Các chỉ số	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	Tỷ lệ tăng giảm
1	Khả năng thanh toán tổng quát (Tổng tài sản/Tổng nợ)	Lần	1,8	1,76	-2%
2	Khả năng thanh toán hiện hành (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,45	1,52	+5%
3	Khả năng thanh toán ngay((Tài sản ngắn hạn - hàng tồn kho)/Tổng nợ ngắn hạn))	Lần	1,0	1,18	+18%
4	Khả năng thanh toán tức thời (Vốn bằng tiền/Tổng nợ ngắn hạn)	Lần	0,12	0,11	-6%
5	Hệ số nợ (Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu)	Lần	1,31	1,34	+3%
6	Lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu	%	7,5	7,7	+2%
7	Lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ (ROE)	%	4,92	6,62	+35%
8	Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản (ROA)	%	2,18	2,87	32%

- ✓ Các chỉ số về khả năng thanh toán của Công ty được đảm bảo, không có sự thay đổi nhiều so với năm 2016.
- ✓ Hệ số nợ phải trả (1,34 lần) ở mức an toàn.
- ✓ Các chỉ số ROE và ROA của Công ty tăng so với năm 2016. Tuy nhiên, lợi nhuận năm 2017 của Công ty không phải từ hoạt động kinh doanh chính mà từ lợi nhuận hoạt động đầu tư tài chính và hoạt động khác. Việc sử dụng vốn chủ của Công ty cho hoạt động SXKD chính năm 2017 chưa thực sự hiệu quả.

1.3 Tình hình công nợ phải thu và hàng tồn kho

ĐVT: Tỷ đồng

TT	Nội dung	31/12/2016	31/12/2017	Tỷ lệ tăng giảm
1	Phải thu khách hàng	503	603	+20%
2	Phải thu ngắn hạn khác	47	53	+12%
3	Hàng tồn kho	284	216	-24%

- **Công nợ phải thu khách hàng đến 31/12/2017 là:** 603 tỷ đồng, tăng 20% so với thời điểm 31/12/2016; chủ yếu do một số công nợ lên phiếu giá vào cuối năm chưa thu được tiền như phải thu Công ty CP Sông Đà 5 - công trình thủy điện Nậm nghiệp: 41 tỷ đồng; Công ty CP tập đoàn Đức Long Gia Lai - Công trình thủy điện Tân Thượng :55 tỷ đồng. Một số khoản công nợ giá trị lớn, đã quá hạn thanh toán nhưng chưa thu được tiền như: Ban điều hành dự án thủy điện Xekaman1: 81 tỷ đồng; Ban điều hành dự án thủy điện Xekaman3: 75 tỷ đồng; Ban điều hành dự án thủy điện Lai Châu: 72 tỷ đồng; Công tác thu hồi công nợ chưa tốt ảnh hưởng đến dòng tiền cho sản xuất, hiệu quả hoạt động SXKD và quan hệ tín dụng của Công ty.
- **Phải thu ngắn hạn khác đến 31/12/2017 là:** 53 tỷ đồng, tăng 12% so với thời điểm 31/12/2016; trong đó: Phải thu khác 23,5 tỷ đồng, nợ tạm ứng 29,5 tỷ đồng. Công ty chưa thực hiện tốt công tác hoàn ứng và thu hồi công nợ cá nhân. Trong năm, đơn vị chưa trích lập dự phòng công nợ tạm ứng.
- **Hàng tồn kho đến 31/12/2017 là:** 216 tỷ đồng, giảm 24% so với thời điểm 31/12/2016. Tuy nhiên, vẫn còn một số công trình có chi phí SXKD dở dang lớn như: Công trình thủy điện Xekaman1: 96 tỷ đồng; công trình thủy điện Nậm Theun1: 33 tỷ đồng.
- Công nợ phải thu và hàng tồn kho lớn tiềm ẩn nhiều rủi ro về tài chính cho hoạt động của Công ty. Trong đó, có nguyên nhân khách quan là một số công trình đang trong giai đoạn quyết toán, chủ đầu tư chưa cân đối được vốn.

2. Đánh giá hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý:

Trong năm 2017, HĐQT và Ban Tổng giám đốc đã hoàn thành trách nhiệm điều hành của mình trong khuôn khổ pháp lý hiện hành, góp phần quan trọng trong việc thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 cụ thể:

- HĐQT tổ chức 04 cuộc họp định kỳ vào đầu các quý. Các cuộc họp của HĐQT được chuẩn bị và diễn ra đúng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. HĐQT đã ban hành các quyết định, nghị quyết và văn bản, chỉ thị quản lý để chỉ đạo, điều hành hoạt động của Công ty phù hợp và kịp thời với tình hình thực tế.
- Các nghị quyết của HĐQT ban hành đúng với chức năng và quyền hạn của HĐQT và có nội dung phù hợp với chủ trương và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các nghị quyết của HĐQT có sự nhất trí cao của các thành viên HĐQT.
- Công tác chỉ đạo của HĐQT mang tính chiến lược với các mục tiêu kế hoạch dài hạn; đồng thời chỉ đạo sát công tác điều hành SXKD. HĐQT đã chỉ đạo và kiểm tra, giám sát Ban Tổng giám đốc điều hành trong việc thực hiện và áp dụng các quy chế, quy định quản lý nội bộ đã ban hành.
- HĐQT đã tổ chức triển khai thực hiện toàn bộ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông kịp thời và linh hoạt. BKS không thấy có bất kỳ điều gì bất thường trong hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý trong Công ty.
- Công tác ký kết và thực hiện hợp đồng kinh tế được đảm bảo theo đúng pháp luật và các quy định hiện hành của Nhà nước, Điều lệ tổ chức hoạt động và quy chế quản lý hợp đồng kinh doanh thương mại của Công ty; chưa để xảy ra các sai phạm trong công tác đàm phán, thương thảo và thực hiện hợp đồng kinh tế. Tại các đơn vị trực thuộc việc ký kết hợp đồng còn một số chưa thực hiện đầy đủ các bước theo Quy chế quản lý hợp đồng và Quy chế lựa chọn nhà thầu của Công ty. BKS đề nghị đơn vị chấp hành đầy đủ các quy định trên.
- Công ty quản lý và hạch toán kế toán tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành của Nhà nước và Công ty. Kế hoạch tài chính được lập gắn liền với kế hoạch SXKD và bám sát với tình hình thực tế, đảm bảo cho công việc tổ chức và điều hành SXKD đạt hiệu quả. Thực hiện nghiêm chỉnh Quy chế quản lý tài chính của Công ty. Tuy nhiên, công tác lập, luân chuyển chứng từ và hạch toán kế toán còn chưa được thực hiện đầy đủ theo quy định tại chi nhánh. Công ty thực

hiện phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức và thù lao cho HĐQT, BKS năm 2016 đúng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

- Công ty chủ động được nguồn vốn cho hoạt động SXKD và đầu tư do đã tạo dựng được uy tín đối với các tổ chức tín dụng. Các khoản nợ trả đúng hạn, kiểm soát được nợ quá hạn. Hệ số khả năng thanh toán tương đối tốt, hệ số nợ ở mức an toàn. Công ty cần cân đối sử dụng vốn lưu động hợp lý và hiệu quả hơn.
- Công tác quản lý thực hiện đầu tư theo đúng quy định bao gồm từ công tác lập, trình duyệt dự án, kế hoạch đấu thầu dự án, hồ sơ mời thầu đảm bảo rõ ràng, minh bạch, các gói thầu được xét thầu theo đúng quy định.
- Công tác tái cấu trúc doanh nghiệp trong năm 2017 được HĐQT chỉ đạo, triển khai và đạt được một số kết quả nhất định như: sắp xếp bộ máy quản lý từ Công ty đến các đơn vị trực thuộc; tăng cường công tác đào tạo cán bộ; thực hiện các giải pháp về quản trị doanh nghiệp, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy; hoàn thành thoái vốn đầu tư tài chính tại 03 Công ty.
- HĐQT chỉ đạo sửa đổi, bổ sung các quy định quản lý nội bộ phù hợp với những thay đổi của các quy định pháp luật.
- Công tác phối hợp hoạt động giữa BKS và HĐQT: Các cuộc họp HĐQT, BKS đều được mời tham dự và tham gia ý kiến, đóng góp xây dựng công tác tổ chức quản lý, điều hành SXKD và chiến lược, kế hoạch phát triển Công ty.

IV. Kết luận và kiến nghị

- BKS nhất trí với Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2017 và phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 của HĐQT Công ty.
- BKS nhất trí với kế hoạch và các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty trong năm 2018.
- Đề nghị Công ty tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức hoạt động của công ty, tuyển chọn, xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu quản lý doanh nghiệp, hiệu quả.
- Đề nghị HĐQT tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung một số Quy chế quản lý nội bộ cho phù hợp với quy định của Pháp luật và sự phát triển của Công ty để hoàn thành kế hoạch SXKD được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018: Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.
- Giá trị công nợ phải thu và hàng tồn kho lớn tiềm ẩn nhiều rủi ro về tài chính cho Công ty. Do vậy, BKS đề nghị HĐQT và Ban Tổng giám đốc cần quan tâm hơn nữa công tác thu hồi vốn và công nợ, nâng cao hiệu quả hoạt động

SXKD, đảm bảo dòng tiền cho sản xuất, trả nợ ngân hàng và thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước.

- Hiệu quả hoạt động SXKD tại các Chi nhánh có chênh lệch lớn. BKS kiến nghị Ban Tổng giám đốc chỉ đạo các bộ phận liên quan phân tích nguyên nhân làm ảnh hưởng hiệu quả SXKD các Chi nhánh và quan tâm hơn nữa đến công tác hạch toán kinh doanh, nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD tại các đơn vị trực thuộc.
- Thường xuyên hướng dẫn, kiểm tra, kiểm soát nội bộ các đơn vị trực thuộc trong việc thực hiện chế độ chính sách của Nhà nước và các quy chế, quy định của Công ty.

V. Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2018.

- Thường xuyên kiểm tra tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, việc chấp hành Điều lệ tổ chức hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các phòng ban chức năng trong Công ty;
- Kiểm soát việc ban hành, tổ chức thực hiện các Nghị quyết của HĐQT; tính phù hợp về thẩm quyền trong việc ra quyết định của Ban lãnh đạo.
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thường xuyên các hoạt động của Công ty thông qua các quyết định của HĐQT và Ban Tổng giám đốc.
- Thăm tra báo cáo tài chính hàng quý, 6 tháng và báo cáo tài chính năm. Thực hiện kiểm tra tình hình SXKD, công tác tài chính kế toán trực tiếp tại một số đơn vị khi thấy cần thiết.
- Tham gia các cuộc họp của HĐQT và các buổi làm việc định kỳ giữa Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng giám đốc. Duy trì sự phối hợp chặt chẽ trong hoạt động với HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các phòng ban trong công ty.
- Xem xét việc ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế, việc triển khai các dự án đầu tư, quy chế lương và các quy chế quy định khác theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty.
- Thực hiện các công việc khác theo Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS.

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kiểm soát năm 2017, hoạt động của BKS năm 2017 và kế hoạch hoạt động của BKS năm 2018.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên
- HĐQT
- Kiểm soát viên
- Lưu BKS

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thị Lệ Hằng

**TỜ TRÌNH
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY**

V/v Phân phối lợi nhuận chia cổ tức và trích lập các quỹ năm 2017;
Tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và một số nội dung trình ĐHĐCĐ
ủy quyền cho HĐQT.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông công ty

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 thông qua ngày 26/11/2014;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của công ty được Đại hội đồng cổ đông sửa đổi bổ sung ngày 27/4/2017;
- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 và Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC;

Hội đồng quản trị Công ty xin báo cáo và trình trước Đại Hội đồng cổ đông xem xét thông qua các nội dung sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận chia cổ tức và trích quỹ năm 2017

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận trước thuế :	50.924.267.383
2	Lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp :	43.844.142.535
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp :	8.768.828.507
4	Thuế thu nhập hoàn lại :	174.010.450
5	Lợi nhuận sau thuế (5=1-3+4) :	42.329.449.326
6	Quỹ đầu tư phát triển (8% LN phân phối) :	3.386.355.946
7	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (10% LN phân phối) :	4.232.944.933
8	Thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách :	97.728.000
9	Lợi nhuận chia cổ tức 10% (80,9% LN phân phối) :	34.234.000.000
10	Tỷ lệ chia cổ tức :	10%
11	Lợi nhuận còn lại sau khi phân phối :	378.420.447

2. Lương, thù lao Hội đồng quản trị; Tổng giám đốc Ban kiểm soát, Thư ký năm 2017 và kế hoạch 2018

2.1. Thực hiện chi trả lương, thù lao HĐQT, BKS, Thư ký năm 2017:

Chỉ tiêu lợi nhuận đạt 101,85% KH năm (Cứ 1% lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch thì lương, thù lao được tính tăng thêm tối đa 2%), như vậy tiền lương, thù lao năm 2017 được tính tăng thêm bằng: $1,85 \times 2\% = 3,7\%$ nên mức chi trả lương, thù lao được tính tăng thêm 3,7% so với dự toán, cụ thể như sau:

TT	Chức danh	Số người	Số tháng	Mức lương, thù theo/tháng theo NQ ĐHĐCĐ 2017 (đồng)	Điều chỉnh tăng thêm do lợi nhuận vượt KH	Tiền lương, thù lao tăng lên/tháng (đồng)	Tổng lương, thù lao (đồng)
1	Lương Chủ tịch HĐQT	1	12	34.000.000	3,7%	35.528.000	423.096.000
2	Lương TBKS chuyên trách	1	12	20.000.000	3,7%	20.740.000	248.880.000
3	Thù lao TV HĐQT	3	12	15.000.000	3,7%	15.555.000	186.660.000
4	Thù lao TV ban kiểm soát	2	12	6.000.000	3,7%	6.222.000	74.664.000
5	Thư ký	1	12	2.000.000	3,7%	2.074.000	24.888.000
	Tổng cộng						958.188.000

Các chi phí hoạt động, giao dịch, công tác phí của Hội đồng quản trị trong năm qua thực hiện theo đúng quy chế quy định của đơn vị.

2.2. Lương của Tổng giám đốc công ty năm 2017

T T	Chức danh	Số người	Số tháng	Mức lương	Điều chỉnh tăng thêm do lợi nhuận vượt KH	Tiền lương tăng lên/tháng (đồng)	Tổng lương, (đồng)
1	Tổng giám đốc	1	12	30.000.000	3,7%	31.110.000	373.320.000

2.3. Phương án chi trả năm 2018

T T	Chức danh	Số người	Mức thù lao/tháng (đồng)	Mức lương/tháng (đồng)
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	1		34.000.000
2	TB Kiểm soát chuyên trách	1		20.000.000
3	Thành viên Hội đồng quản trị	4	5.000.000	
4	Thành viên Ban Kiểm soát	2	3.000.000	
5	Thư ký	1	3.000.000	

- Lợi nhuận thực hiện bằng lợi nhuận kế hoạch thì mức tiền lương, thù lao thực hiện được xác định bằng mức tiền lương, thù lao kế hoạch như trên.
- Lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch thì cứ 1% lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch, mức tiền lương, thù lao tính thêm tối đa bằng 2%, nhưng không quá 20%.
- Trường hợp lợi nhuận thực hiện thấp hơn lợi nhuận kế hoạch thì cứ 1% lợi nhuận thực hiện giảm so với kế hoạch, mức tiền lương, thù lao giảm trừ 1% so với mức tiền lương, thù lao kế hoạch. Mức lương, thù lao thấp nhất không thấp hơn 70% lương, thù lao kế hoạch.

3. Đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị công ty phê duyệt:

- Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 162.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị từ ba mươi lăm phần trăm trở lên (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

Kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hoàng Cường





CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 9

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Ban kiểm soát

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 07/SD9-BKS

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2018

Tờ trình*Đại hội đồng cổ đông thường niên**“V/v: Đề nghị đại hội thông qua lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018”***Căn cứ:**

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội Nước cộng hòa XHCNVN thông qua ngày 26/11/2014.
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Sông Đà 9

Để phục vụ cho công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 theo đúng quy định, Ban kiểm soát Công ty CP Sông Đà 9 đề nghị Đại hội đồng cổ đông lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính như sau:

Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C là đơn vị kiểm toán độc lập, có uy tín, được Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Bộ tài chính chấp thuận kiểm toán cho các công ty đại chúng và tổ chức niêm yết.

Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C là Công ty đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty CP Sông Đà 9 năm 2017. Trong quá trình thực hiện kiểm toán tại đơn vị, Công ty kiểm toán A&C luôn là một đơn vị có năng lực, đội ngũ kiểm toán viên có kinh nghiệm, có trình độ và nhiệt tình trong công việc, báo cáo kiểm toán phát hành đáp ứng yêu cầu của đơn vị.

Vì vậy, để công tác kiểm toán báo cáo được thuận lợi, chất lượng, Ban kiểm soát đề nghị Đại hội đồng cổ đông chọn Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty CP Sông Đà 9.

Trân trọng cảm ơn.***Nơi nhận:***

- ĐHĐCĐ thường niên
- HĐQT
- Lưu BKS

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**
Nguyễn Thị Lệ Hằng

TỜ TRÌNH
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
*Về sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty; Quy chế nội bộ
về Quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 9*

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 hướng dẫn về Quản trị công ty và thông tư 95/TT-BTC ngày 22/9/2017 về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 71/NĐ-CP;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Sông Đà 9 đã được Đại hội đồng cổ đông sửa đổi bổ sung thông qua ngày 27/4/2017.

Trên cơ sở những thay đổi của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của Công ty Cổ phần Sông Đà 9, đồng thời với mục tiêu xây dựng Điều lệ tổ chức hoạt động và Quy chế Quản trị của Công ty ngày càng hoàn thiện, chặt chẽ; Hội đồng quản trị (HĐQT) đã tổ chức rà soát, xem xét sửa đổi một số điều khoản trong Điều lệ của Công ty và xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo quy định của Luật doanh nghiệp, Nghị định 71/2017/NĐCP ngày 06/6/2017 và thông tư 95/TT-BTC ngày 22/9/2017.

1. Các nội dung sửa đổi, bổ sung chính đối với Điều lệ của Công ty được nêu cụ thể tại Phụ lục kèm theo Tờ trình này. Ngoài các sửa đổi tại Phụ lục 1, Điều lệ mới cũng có sửa đổi chi tiết về cấu trúc câu, câu từ, thuật ngữ và một số dẫn chiếu trong Điều lệ để đảm bảo tính thống nhất về hình thức và nội dung của Điều lệ (nhưng không làm thay đổi ý nghĩa). Sau khi xóa bỏ hoặc bổ sung thêm một số Điều khoản thì thứ tự và trật tự một số Điều khoản của Điều lệ mới cũng được thay đổi tương ứng.

2. Đối với Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Hội đồng quản trị sửa đổi ban hành trên cơ sở Điều lệ tổ chức hoạt động của công ty và thông tư 95/TT-BTC, chi tiết tại phụ lục 02 kèm theo tờ trình; nội dung chủ yếu Quy chế này sẽ điều chỉnh các nội dung sau:

- Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông;
- Trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị;
- Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng Quản trị;



- Trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên.
- Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ điều hành;
- Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc điều hành;
- Quy định về đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ điều hành khác;
- Quy định về Người phụ trách quản trị
- Quy định báo cáo và công bố thông tin

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Điều lệ tổ chức hoạt động và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Điều lệ và Quy chế nội bộ quản trị công ty sẽ có hiệu lực kể từ ngày 26/4/2018 và thay thế cho bản Điều lệ và quy chế hiện hành.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Hoàng Cường

Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2018

**QUY CHẾ BẦU
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 của Quốc hội Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Thông tư số 71/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 6 năm 2012 của Bộ tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng trong công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 9 đã được Đại hội đồng cổ đông sửa đổi bổ sung ngày 27/4/2017;

Tại Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần Sông Đà 9 năm 2018, Đại hội sẽ bầu:

- Một (01) thành viên độc lập Hội đồng quản trị.
- Một (01) Kiểm soát viên.

Việc bầu cử được tiến hành cụ thể như sau:

**Chương 1
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Đối tượng thực hiện bầu cử

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần và đại diện theo ủy quyền tại thời điểm chốt danh sách ngày 05/4/2018 tham dự Đại hội thì có quyền tham gia bầu cử.

Điều 2. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên:

1. Căn cứ tại Khoản 2, Điều 151 Luật doanh nghiệp, thành viên độc lập HĐQT phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.
- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

- Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.

2. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên.

Tham chiếu tại Điều 164 Luật doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 37 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 9, Kiểm soát viên phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Thường trú tại Việt Nam;
- Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.
- Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật;
- Phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên có trình độ về nghiệp vụ tài chính – kế toán hoặc kiểm toán;
- Không được là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
- Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý Công ty. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

Điều 3. Điều kiện để ứng cử, đề cử thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

1. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị công ty:

- a. Tham chiếu Khoản 2, Điều 26 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 9: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông (*các cổ đông nhóm cổ phiếu lại với nhau*) nắm giữ tối thiểu năm phần trăm (05%) số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng (06 tháng) được ứng cử, đề cử vào Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 9.
- b. Trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông không đề cử, ứng cử ứng viên là thành viên Hội đồng quản trị độc lập, Kiểm soát viên hoặc ứng cử viên không đảm

bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định thì Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 9 sẽ đề cử ứng cử viên để ĐHĐCĐ bầu.

2. Kiểm soát viên:

- a. Tham chiếu Khoản 2, Điều 37 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 9: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông (*các cổ đông nhóm cổ phiếu lại với nhau*) nắm giữ tối thiểu mười phần trăm (10%) số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng (06 tháng) được ứng cử, đề cử vào Ban kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 9.
- b. Trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông không đề cử, ứng cử ứng viên Kiểm soát viên hoặc ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định thì Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 9 sẽ đề cử ứng cử viên để ĐHĐCĐ bầu.

Điều 4. Nguyên tắc bầu cử:

- Bỏ phiếu kín.
- Quyền bầu cử được tính theo số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu. Kết quả bầu cử được tính trên số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Mỗi lần bầu cử, một đại biểu cổ đông chỉ được sử dụng một phiếu bầu tương ứng với số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu.
- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được Đại hội thông qua. Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử.

Điều 5. Phương thức bầu cử

1. Phương thức bầu cử :

- Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân (x) với số thành viên được bầu; cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho ứng cử viên hoặc không dồn hết tổng số phiếu bầu.
 - Tổng số phiếu bầu cho các ứng viên của một cổ đông không được vượt quá tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông đó (*bằng số cổ phần nhân (x) với số thành viên được bầu*);
2. Phiếu bầu cử sẽ được bỏ vào thùng phiếu đã được niêm phong trước khi tiến hành kiểm phiếu.
 3. Phiếu bầu hợp lệ: là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra và có đóng dấu treo của Công ty, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu.
 4. Các phiếu bầu sau đây sẽ được coi là không hợp lệ:
 - Ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu.

- Gạch tên ứng cử viên.
 - Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa.
 - Viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu bầu.
 - Tổng số cổ phần bầu cho thành viên được bầu lớn hơn số cổ phần biểu quyết của cổ đông sở hữu.
 - Phiếu bầu có số thành viên được bầu vượt quá số lượng thành viên phải bầu.
 - Phiếu bầu không đóng dấu treo của Công ty cổ phần Sông Đà 9.
5. Việc kiểm phiếu: Tiến hành ở một phòng riêng dưới sự giám sát của đại diện cổ đông.
6. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với Chủ tọa Đại hội giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của cổ đông (nếu có).

Điều 6. Nguyên tắc trúng cử:

- Căn cứ vào Biên bản kiểm phiếu, kết quả bầu thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên công ty được công bố ngay tại Đại hội;
- Người trúng cử vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát công ty nhiệm kỳ phải đạt tối thiểu 65 % tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết hợp lệ tham dự tại Đại hội.

Điều 7. Quy chế bầu cử này gồm 7 điều, có hiệu lực thực hiện ngay sau khi được thông qua tại Đại hội.

*Trên đây là dự thảo Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Sông Đà 9; Kính trình Đại hội thông qua. Sau khi Đại hội thông qua thì việc bầu cử tại Đại hội được thực hiện theo quy chế này.
Trân trọng./.*

Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2018

**QUY CHẾ
TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13 thông qua ngày 26/11/2014 và có hiệu lực từ ngày 1/7/2015 và các văn bản hướng dẫn Luật doanh nghiệp.
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 9 đã được Đại hội đồng cổ đông sửa đổi bổ sung ngày 27/4/2017;
Đại hội đồng cổ đông công ty năm 2018 được thực hiện theo quy chế sau đây:

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi áp dụng:

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 (Đại hội) của Công ty cổ phần Sông Đà 9 (Công ty).
2. Quy chế này quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của cổ đông, người được ủy quyền dự họp của cổ đông và các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.
3. Cổ đông, người được ủy quyền dự họp của cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Điều 2. Mục tiêu

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức Đại hội được thành công và tuân thủ các quy định của Pháp luật.

**Chương II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI**

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội

1. Điều kiện tham dự họp Đại hội: Cổ đông sở hữu cổ phần của SD9 theo danh sách do Trung tâm lưu ký chứng khoán chốt ngày 05/4/2018 hoặc những người được ủy quyền tham gia họp lệ .

2. Quyền của cổ đông, đại diện ủy quyền của cổ đông khi tham dự họp Đại hội:
 - a. Được trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự họp Đại hội bằng văn bản theo mẫu Công ty quy định.
 - b. Được thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan;
 - c. Được Ban tổ chức thông báo nội dung, chương trình Đại hội và các tài liệu kèm theo.
 - d. Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền của cổ đông dự họp khi tới tham dự Đại hội được nhận **Phiếu biểu quyết** sau khi đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức Đại hội.
 - e. Cổ đông, người được ủy quyền của cổ đông dự họp đến muộn khi Đại hội chưa kết thúc có quyền đăng ký và tham gia biểu quyết ngay tại Đại hội đối với các vấn đề chưa biểu quyết, khi đó Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội và hiệu lực của các lần biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.
3. Nghĩa vụ của cổ đông, đại diện ủy quyền của cổ đông khi tham dự họp Đại hội:
 - a. Cổ đông hay người được ủy quyền của cổ đông dự họp khi tham dự Đại hội phải xuất trình các giấy tờ theo quy định tại **Thông báo mời họp** và đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức Đại hội.
 - b. Ăn mặc lịch sự, ứng xử văn minh lịch sự, không gây mất trật tự.
 - c. Đăng ký phát biểu tại Đại hội theo Điều 12 của quy chế này, nội dung phát biểu trong phạm vi chương trình Đại hội.
 - d. Biểu quyết phù hợp với hướng dẫn của Ban tổ chức Đại hội và tuân thủ sự điều khiển của Chủ tọa Đại hội.
 - e. Không được có hành vi cản trở, gây rối trật tự làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
 - f. Không được gây rối, ngăn cản diễn biến bình thường trong Đại hội.
 - g. Tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa Đại hội.
 - h. Nghiêm túc chấp hành Quy chế này, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Ban tổ chức Đại hội

1. Ban tổ chức Đại hội gồm một (01) Trưởng Ban và một số thành viên do Hội đồng quản trị công ty quyết định thành lập để thực hiện các chức năng và nhiệm vụ như sau:

- a. Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự họp: Yêu cầu cổ đông tham dự Đại hội xuất trình giấy tờ chứng minh tư cách như Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu, thông báo mời họp, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền);
 - b. Phát cho cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến dự họp **Phiếu biểu quyết** và các tài liệu họp liên quan khác;
 - c. Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại hội tại thời điểm: Trước khi khai mạc Đại hội;
 - d. Thực hiện các công việc khác do Chủ tọa Đại hội phân công.
2. Ban tổ chức Đại hội có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu gồm một (01) Trưởng ban và một số thành viên do Chủ tọa đề nghị và được Đại hội biểu quyết thông qua;
2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ hướng dẫn cách sử dụng **Phiếu biểu quyết**, thể thức biểu quyết, và tiến hành kiểm phiếu.
3. Lập biên bản kiểm phiếu và báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm phiếu;
4. Ban kiểm phiếu có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban;
5. Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của kết quả kiểm phiếu đã công bố.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa và Thư ký Đại hội

1. Chủ tọa là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chủ tọa có thể chỉ định một số người là thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc lên bàn Chủ tọa để phối hợp điều khiển cuộc họp.
2. Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất;
3. Chủ tọa tiến hành các công việc được cho là cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự;
4. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa cũng có thể trì hoãn họp Đại hội đến một thời điểm khác (*phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty*) và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:
 - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc

- hợp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
5. Chủ tọa có quyền không trả lời hoặc chỉ ghi nhận các ý kiến đóng góp của cổ đông nếu các nội dung đóng góp, kiến nghị nằm ngoài nội dung xin ý kiến Đại hội.
 6. Chủ tọa có quyền cắt ý kiến phát biểu của cổ đông khi cổ đông phát biểu quá thời gian quy định hoặc ý kiến nằm ngoài nội dung chương trình Đại hội, ý kiến trùng lặp.
 7. Có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người có biểu hiện gây rối, không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, ngăn cản diễn biến bình thường của Đại hội.
 8. Chủ tọa chỉ định Thư ký Đại hội lập biên bản Đại hội và thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa.

Chương III

THỂ THỨC TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 7. Điều kiện tiến hành Đại hội

1. Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông tham dự đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội ngày 05/4/2018.
2. Trường hợp Đại hội không đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên đây thì việc triệu tập và tiến hành Đại hội lần 2 sẽ được tiến hành theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 8. Tiến hành Đại hội

1. Đại hội sẽ diễn ra theo đúng trình tự nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua.
2. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung tại chương trình Đại hội theo hình thức biểu quyết như quy định tại Điều 11 của Quy chế này.
3. Đại hội bế mạc sau khi Nghị quyết, Biên bản Đại hội được thông qua.

Điều 9. Thông qua quyết định của Đại hội

1. Các quyết định của Đại hội được thông qua khi có sự chấp thuận của số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông có mặt trực tiếp tại Đại hội.
2. Riêng nội dung trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị công ty : “ *Ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 162.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị từ ba mươi lăm phần trăm trở lên (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất*” được thông qua khi có sự chấp thuận của cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp tại Đại hội.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự họp thực hiện biểu quyết để **tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến** đối với những vấn đề phải thông qua trong Đại hội theo quy định tại Điều 10 Quy chế này.

Điều 10. Phiếu biểu quyết

1. **Phiếu biểu quyết** phải đóng dấu treo của Công ty do Ban tổ chức Đại hội phát cho các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp.
2. Giá trị biểu quyết của **Phiếu biểu quyết** tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc đại diện theo ủy quyền đăng ký tham dự họp Đại hội.

Điều 11. Thể thức biểu quyết thông qua các quyết định tại Đại hội

1. Việc biểu quyết các nội dung không ghi trong phiếu biểu quyết được thực hiện bằng hình thức biểu quyết trực tiếp bằng giơ tay tại Đại hội.
2. Biểu quyết thông qua các nội dung Đại hội được ghi trong Phiếu biểu quyết sẽ được cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết bằng việc đưa ra duy nhất một phương án như tán thành hoặc không tán thành hoặc không có ý kiến đối với từng nội dung cần lấy ý kiến và được cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông ký xác nhận và cho vào hòm phiếu.
3. Tính hợp lệ của **Phiếu biểu quyết**:
 - a. **Phiếu biểu quyết** hợp lệ:
 - Là **Phiếu biểu quyết** do Ban tổ chức Đại hội phát ra, có dấu treo của Công ty;
 - **Phiếu biểu quyết** không bị rách, tẩy xóa, cạo sửa.
 - b. **Phiếu biểu quyết** không hợp lệ:
 - **Phiếu biểu quyết** không phải do Ban tổ chức Đại hội phát ra;
 - **Phiếu biểu quyết** không có dấu treo của Công ty;
 - **Phiếu biểu quyết** bị rách, gạch, tẩy xóa, sửa chữa;
 - **Phiếu biểu quyết** không đánh dấu phương án nào;
 - **Phiếu biểu quyết** đánh dấu từ 2 phương án trở lên;
4. Cách tính kết quả nội dung biểu quyết: Số cổ cổ phần biểu quyết **chia cho** số cổ phần tham dự đại hội (*tức được chia cho số phiếu phát ra tương ứng với số cổ phần*)

Điều 12. Thảo luận và chất vấn tại Đại hội

Căn cứ vào số lượng cổ đông tham dự Đại hội và thời lượng cho phép của Đại hội, Chủ tọa Đại hội có thể lựa chọn phương pháp điều khiển cuộc họp hợp lý nhất. Cổ đông tham dự Đại hội phát biểu ý kiến thảo luận, chất vấn bằng cách giơ tay đề nghị phát biểu và được sự đồng ý của Chủ tọa hoặc điền vào Phiếu câu hỏi gửi cho Ban chủ tọa.

Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với chương trình Đại hội đã thông qua. Nội dung ý kiến đề xuất của cổ đông không liên quan đến vấn đề cá nhân hoặc vượt quá quyền hạn của doanh nghiệp. Chủ tọa có quyền nhắc nhở hoặc đề nghị cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận. Đại hội thống nhất tổng thời gian phát biểu của một cổ đông không quá 05 phút, nếu quá thời lượng này, Chủ tọa có thể yêu cầu cổ đông lập câu hỏi, kiến nghị bằng văn bản gửi tới Ban Thư ký và Ban chủ tọa sẽ trả lời bằng văn bản cho cổ đông trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được kiến nghị của cổ đông.

Điều 13. Biên bản Đại hội

1. Nội dung Đại hội được lập thành Biên bản. Chủ tọa và Thư ký Đại hội chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của Biên bản Đại hội.
2. Biên bản Đại hội phải được công bố trước Đại hội và được Đại hội thông qua trước khi bế mạc Đại hội.
3. Biên bản Đại hội, Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông, Biên bản kiểm phiếu và các tài liệu khác ghi nhận diễn biến, kết quả của Đại hội phải được lưu trữ tại Trụ sở chính của Công ty.
4. Biên bản Đại hội là cơ sở để đưa ra Nghị quyết Đại hội.

Điều 14. Nghị quyết Đại hội

Căn cứ kết quả tại Đại hội, Chủ tọa ra Nghị quyết Đại hội về các vấn đề đã được Đại hội thông qua. Nghị quyết của Đại hội phải được đọc tại Đại hội để các cổ đông thông qua và công bố trên website của Công ty trong vòng 24h kể từ khi Đại hội bế mạc.

Điều 15. Hiệu lực thi hành của Quy chế

1. Quy chế này gồm 3 Chương, 15 Điều và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua;
2. Đại hội quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này.

Trên đây là dự thảo Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Sông Đà 9; Kính trình Đại hội thông qua. Sau khi Đại hội thông qua thì các nội dung và diễn biến tại Đại hội sẽ được thực hiện theo quy chế này. Trân trọng./.